SỐ 20: NGÀY 1 SEPTEMBRE 1942

THANH-NGHỊ

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

— Một vài chính kiến của Khổng Phu-Tử — PHAN ANH

— Dịch văn, thơ — ĐINH GIA TRINH

— Cuộc cải cách giáo-dục ở Pháp — VŨ ĐÌNH HÒE

— Hóa học thời cận đại — N. N. KONTUM

— Danh văn ngoại quốc: Ta với tổ tiên ta — DIỆU ANH

— Mấy điều cần biết về thể lệ trước bạ các văn tự của người Nam — PHẠM GIA KÍNH

— Những «hình ảnh» trong văn-chương Pháp và Việt-nam — VŨ BỘI LIỀU

— Nhát dao *(truyện dịch)* — LÊ HUY VÂN

— Việc quốc tế: Eo bể Dardanelles và địa-vị trung lập của Thổ-nhĩ-kỳ — V. H.

— Đọc sách mới — H. V.

TÒA BÁO: 102 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI. GIÂY NÓI 672. GIÁ: 0$25

3 tháng: 1$50; 6 tháng: 2$80; 12 tháng: 5$40

https://tieulun.hopto.org

MỘT VÀI CHÍNH-KIẾN CỦA KHỔNG-PHU-TỬ

Phan Anh

KHỔNG-Phu-Tử là một nhà giáo-sư mô phạm. Ai cũng biết thế. Nhưng ít người biết phu-tử còn là một nhà chánh-trị rất sốt-sắng. Giáo-dục phải kèm chính-trị, vì giáo-giục chỉ mở-mang tương lai, mà chính-trị là nhu-cần cho hiện-tại; giáo-dục như vị thuốc-bổ gây sức khỏe lâu-giải, chính-trị như thuốc-tiêm hồi-sinh cứu vớt ngay lấy tính-mệnh người ốm.

Đoạn văn trích sau đây chỉ rõ chính-trị có quan-hệ đến hạnh phúc và tính mệnh dân đến mực nào.

« Khổng-tử đi qua một khu rừng nước Lỗ, nghe tiếng một người đàn-bà khoc rất thảm-thiết. Ngài sai học-trò là Tử-Cống hỏi duyên cớ. Người đàn-bà đáp : « năm ngoái hổ ăn thịt chồng tôi, năm nay hổ lại ăn thịt con tôi ». Tư-Cống hỏi ; « vậy sao khong giời ở nơi khác ? » — Đáp : « nhưng tôi thích ở đây vì chính-trị không hà-hiếp, quan lại khong bạo-ngược ». Tử Cong thuật lại với Khổng-Tử. Ngài bèn bảo học-trò rằng : « các ngươi xem đó, người ta sợ chính-trị hà-hiếp quan lại bạo-ngược hơn là sợ hổ báo » (Luận hành tao hổ).

TƯ-tưởng chính-trị của Phu-tử *căn-cứ* vào hai thuyết *tu-thân* và *thân-dân*.

Muốn trị-dân người cầm-quyền phải *sửa-mình*, phải tự câu-thúc vào một kỷ-luật nghiêm-khắc, cả đời-tư và đời-công phải hoàn-toàn. Dân cứ noi theo gương ấy, mà nước nhà thịnh-trị, thiên-hạ thái-bình.

« Người quân-tử sửa mình để được kính... sửa mình để an người.... sửa mình để an bách-tính » (Luận-Ngữ).

« Cách của người quân-tử là sửa mình mà thiên-hạ được thái-bình » (Mạnh-tử).

« Người trên có lễ thì dân đâu giệm không kính, người trên thích nghĩa thì dân đâu giám không phục, người trên giữ điều tín thì dân đâu giám không hết sức » (Luận-Ngữ).

« Vua đã nhân còn ai giám bất nhân, vua có nghĩa, còn ai giám bất-nghĩa, vua chính còn ai giám bất chính Một ông vua chính nên cả nước dựng vững vàng » (Mạnh-tử).

Lấy *tu-thân* làm gốc chưa đủ cầm quyền còn phải *thân-dân*. Trị dân không lấy *uy* mà lấy *đức*.

« Khổng-Tử nói : tài thay ! ngươi Nhan-Yo. Phụ cầm cương ngựa. Ngựa biết sau có xe mà vẫn coi là nhẹ, *biết trên có người ma vẫn* mến *người, chạy hay là vì* mến việc. *Nếu ngựa biết nói thì hắn sẽ bảo rằng :* « hôm nay ta chạy vui thay ! » *Đến ngươi Nhân-Luân thì tài cầm cương đã hơi kém. Ngựa biết sau có xe mà cho là* nhẹ, *biết trên có người mà* kính. *Ngựa chạy hay là vì* kính việc. *Nếu ngựa biết nói thì hắn sẽ bảo rằng ;* « Phải chạy đi ! Người sai ta thế ». *Đến ngươi Nhan-Di, tài cầm cương suy rồi. Ngựa biết sau có xe mà coi là* nặng, *biết trên có người mà sợ Ngựa chạy tốt là sợ. Nếu ngựa biết nói thì hắn sẽ bảo rằng :* « Chạy đi, chạy đi ! nếu ta không chạy thì nó sẽ giết ta.» *Cho nên cầm cương có phép, trị dân có cách. Phép tốt thì ngựa hòa ma vui, cách hay thì dân an mà đông »* (Hàn thư ngoại truyện).

GIỞ lên trên, là *nguyên tắc* đại-cương. Chính-trị cần phải có *phương-pháp* thực-hành rõ rệt. Trị dân cũng như nuôi con, có hai phần : *vật-chất* và *tinh-thần*. Vật-chất tức tài sản của dân, tinh-thần tức phong tục của dân. Nên chú-trọng phần nào trước? Người ta thường tưởng Khổng-Tử là một nhà chuộng đạo đức ưa lý-luận thì tất chú-trọng tinh-thần trước. Nhưng không, Khổng là một nhà chính-trị đã từng-trải không mơ-hồ trong vòng lý-thuyết.

« Tử-Cống, học-trò ngài hỏi làm chính-trị phải thế nào. Khổng-tử dáp : « Làm cho dân giầu. Giầu rồi sẽ giậy. Đó là căn-bản cách trị nước đấy. (Tử-Cống vấn vi chính. Khổng-Tử viết : Phú chi, kỷ phú nãi giáo chi. Thử trị quốc chi bản dã. — Thuyết Uyển kiến bản).

Muốn đạt được chương trình ấy người làm chính trị phải biết dụng người

« Tử-Lộ hỏi Khổng-Tử trị nước phải thế nao? Đáp : Phải tôn người hiền và khinh người dở. Hỏi : Sao Phạm trung Hanh-Thị tôn người hiền khinh người dở mà vẫn mất nước? Đáp : Phạm trung Hanh-Thị tôn người hiền mà không biết dụng người hiền, khinh người dở mà không giám bỏ người dở. Người hiền không được dùng thì không phục, người dở biết là bị khinh thì làm thù. Như thế muốn không mất nước sao được? » (Thuyết Uyển tôn hiền).

Nhưng thế nào là hiền nhân? Những người thế nào có thể dùng được? Lỗ-Ai công muốn tìm người giúp, cầm quyền-chính hỏi Khổng-Tử kể cho biết những hạng người trong xã-hội.

« Người có năm hạng ; người thường (dung-nhân), sĩ, quân tử, hiền nhân, và thánh nhân, Người thường là hạng người mồm không nói được câu hay lòng không có gì chuyên nhất, không biết trọn người giỏi mà lúc nào cũng lo, lúc làm không có mục-đích, lúc thôi không có phiêu chuẩn, sống lẫn với mọi vật mà trôi giạt theo thời gian không biết đến đâu, lòng không chủ được ngũ quan.

Sĩ là hạng người đạo-thuật tuy không hoàn-toàn nhưng có phương-pháp, tài năng tuy không tột bậc nhưng có căn-cứ ; biết không cần nhiều nhưng biết rõ cái mình biết, làm không cần nhiều nhưng biết rõ cách mình làm, nói không cần nhiều nhưng nói có ý nghĩa — biết đã rõ ràng, làm đã có phương-pháp, nói đã có thuận tai thì dầu (gặp bước) nguy đến tính mệnh cũng không đổi, phú quý cũng không lấy làm vinh, bần tiện cũng không lấy làm nhục.

Quân tử *là hạng người giữ trung-tín, làm nhân-nghĩa mà không chán, chí to mà không tự đắc, biết rộng mà không khoe khoang, coi về người thì người thường tưởng dễ làm (người quân tử) nhưng nếu bắt chước thì không thể kịp được.*

Hiền-nhân *là hạng người tinh tinh hành động vẫn trong quy thẳng của mọi người nhưng vẫn có nhiệm cái đặc tính của mình. Nói ra cả nước phải nghe mà không hại đến thân, giầu có nhất thiên hạ mà không có của phi nghĩa, bố thí khắp dân-gian mà không lo nghèo.*

Thánh-nhân *là hạng người thông đại-đạo, ứng biến vô cùng, lường tinh muôn vật...Người thường không ai hiểu được »* (Tuân-Tử Ai Công).

Cố nhiên trong xã-hội, thánh-hiền rất hiếm. Nhưng biết dùng người thì *quân tử, sĩ* và cả *dung nhân* cũng đủ trị nước. Chính sự tất có lúc nhầm-lỡ nhưng cần nhất là phải biết hối lỗi.

« Truyện chép rằng : Nước Tống bị lụt to. — Người nước Lỗ sang hỏi tham chia buồn. Vua Tống đáp : « Vì quả-nhân bất nhân, trai giới không cẩn thận nên giời xui tai biến... lại còn phiền ngài tham, da tạ ngài ». Khổng-Tử nghe thế, nói rằng : Nước Tong thế nào cũng thịnh. Học-trò ngài hỏi vì sao. Đáp : « Xưa kiệt Trụ không nhận lỗi mình nên chóng mất, Thành-Thang và Văn-Vương biết lỗi mình nên chóng phục hưng...» Người nước Tống nghe chnyện này hết ngày đêm chăm chỉ, tư cấp người chết, săn sóc dân ốm... ba nam được mùa luôn, nước vững.» (Hàn-Thi ngoại truyện).

Biết hối lỗi đó là một điều-kiện của sự phục hưng, một điều-kiện nữa là lòng *liêm-sỉ*, có liêm-sỉ mới khẳng-khái, có khẳng-khái mới giám thí-xả : nước mạnh là bởi khí dân hùng, mà hùng-khí là ở lòng thí-xả. Đã mất liêm-sỉ thì đáng buồn mà lại đáng khinh.

« Nước Sở đánh nước Trần. Cửa Tây nước Trần hỏng. Vua Trần bắt dân đến chữa. Khổng-Tử đi xe qua mà không cúi chào. Tử-Cống hỏi : « Theo lễ thì khi đi qua ba người phải xuống xe, qua hai người phải cúi chào. Nay, người Trần chữa cửa đóng thế mà Phu-Tử không chào? — Đáp : Nước sắp mất mà không biết là không khôn, biết mà không lo-liệu mà đánh kẻ thù là không trung, đến khi mất thật rồi mà không chết là không liêm-sỉ. Nay người Trần trong ba điều ấy không làm được một nên ta không chào.» (Thuyết Uyển lập tiết).

■

NÓI tóm lại, đại-khái chính-kiến Khổng-Tử cũng chỉ trong vòng « *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.*» Làm chính-trị, Khổng Phu-Tử vẫn

(Xem tiếp trang 7)

https://tieulun.hopto.org

TẠP BÚT

DỊCH VĂN, THƠ

ĐINH GIA TRINH

NGƯỜI ta đã có lần nói : dịch là phản. Đủ rõ khoa dịch văn khó là dường nào. Văn chương mỗi nước có một linh hồn riêng mang bởi một thứ từ ngữ riêng. Từ ngữ ấy có những đẹp đặc biệt của nó. Có những giây liên lạc bí hiểm và thần diệu giữa ý tư ưng, tính tình và ngôn ngữ một nước. Muốn thưởng thức hoàn toàn cái đẹp của một văn chương mà không cố gắng tới sự đọc nó trong nguyên văn thì thực là một ý muốn ngông cuồng. Tức là bảo giá trị của văn chương hoàn toàn ở trong nội dung của nó, tức là quên rằng văn thể (la forme) là một nguyên tố tối quan trọng của giá trị một tác phẩm nghệ thuật.

Với một độc giả khi đọc tiểu thuyết chỉ có mục đích độc nhất là « biết chuyện », thì dịch văn ngoại quốc cho họ chỉ cần kể lại đừng làm sai lạc những hành vi đại cương của các nhân vật ; sự hoàn mỹ của văn chương, của hình thể có cần gì. Nhưng độc giả ưa thẩm mỹ có quyền đòi nhà dịch văn cho họ thưởng thức cái đẹp của một tác phẩm viết trong một thứ tiếng mà họ không đọc nổi. Nếu nhà dịch văn có thể diễn lại những ý tưởng, tính tình của tác giả trong những lời văn ghép bởi tiếng nước mình, cũng tuyệt diệu như ở lời, tiếng ngoại quốc, thì tất dịch giả cũng phải là một nghệ sĩ có tài gần ngang với tác giả để có thể, vẫn chịu bó buộc của tư tưởng tác giả, mượn nội chất của một áng văn làm nên một áng văn có giá trị, trong một thứ tiếng khác Bà Nguyễn-thị-Điểm dịch Chinh Phụ ngâm của Đặng trần Côn quả đã là một nghệ sĩ tài hoa.

Nhưng những tài năng và những hạnh phúc ấy thường hiếm. Bởi vì, trái lại với tư tưởng của một số người, tôi quan niệm rằng nội dung và hình thể liên lạc mật thiết cho đến nỗi người ta không thể nói : « Câu này ý tưởng không có giá trị mà lời văn hay », hoặc trái lại : « Tư tưởng thì hay nhưng văn chả ra gì » mà tránh khỏi được vô lý. Hình thể không phải chỉ là chữ dùng sác đáng hay không, cách xếp đặt hình ảnh, hiệu lực của hình ảnh. Hình thể còn là cái kiến trúc của câu văn. cái kiến trúc của đoạn văn, của cả áng văn nữa, lối chuyển vận của tư tưởng trong từng cặn kẽ một. Lời văn lúng túng, hình ảnh sai lạc, mập mờ, thì tư tưởng sao có thể bảo là hay được. Trái lại, một câu thơ, một trang văn đẹp về hình thức tất mang một cái gì (một rung động, một ý nghĩ có giá trị (giá trị của một cái gì đẹp, khéo léo, thần tình) chứ không bắt buộc phải là giá trị đo bởi mực thước nhỏ hẹp của luân lý, của thông hiểu thông thường) . . . Một danh sĩ phương Tây đã viết : « Tư tưởng không chắc chắn làm cho văn ngập ngừng, chênh choáng ».Nội dung và hình thể liên lạc với nhau như máu liên lạc với huyết quản. Máu ở ngoài huyết quản, cũng như huyết quản trống rỗng không có máu đều là những vật chết.

Nếu như vậy thì dịch văn thực là một công việc cần đến rất nhiều thận trọng. Dịch giả phải trọng ý tưởng, tính tình của tác giả. Có một khế ước giữa tác giả va dịch giả, bắt dịch giả phải giữ nguyên vẹn cái nội dung của tác phẩm, đến từng những cặn kẽ. Trọng cái nội dung ấy mà phải làm cho nội dung ấy sống lại trong một thứ tiếng khác, để đạt tới một văn thể cũng đẹp đẽ như tác phẩm mình dịch. Thử nghĩ : Nhà thi sĩ lúc hứng cầm bút viết như có thần trợ, tìm thấy những thanh âm thích hợp với tình muốn tả, ý muốn diễn, dùng những bí thuật huyền diệu của văn từ nước họ (gặp gỡ những hình, những tiếng ấy trong một phút mê ly, câu thơ hay tạo trong một khoảnh khắc, mà qua thời khắc ấy có lẽ nó sẽ không được tạo theo thể ấy!) Dịch giả thường đem một tâm hồn bình thản (hoặc rung động kém) dịch câu thơ hay ấy ra một thứ tiếng có âm điệu khác, có cú pháp khác, thì sao đạt được cái đẹp ở tác phẩm của tác giả ? Một thanh âm gợi trong tâm hồn ta cả một thế giới rung động, mở cửa cho cả một chân giời :

Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa. ..

https://tieulun.hopto.org

Thanh âm ấy làm gì dễ gặp được trong một văn từ khác. Sự gặp gỡ của tình và lời, ý và lời nếu lại được nhắc lại ở văn dịch thì thực là một hạnh phúc hẳn hữu vậy.

Người ta bảo : Can chi mà mà phải nhọc nhằn như vậy ? Lấy nội dung câu thơ diễn nó bằng lời mình, theo cú pháp của mình, dùng những đẹp đẽ tương đương ở văn mình. Thực là lầm. Văn đi với ý, với tình. Một câu văn hay đem cái ý lên tột độ của sáng sủa, hấp dẫn, mạnh mẽ, đem tình lên tột bậc. Có cái duyên nợ keo kết giữa một tiếng, một vần, một chuyển vận, với cái rung động của thi sĩ. Cả đến cái lối xếp đặt trên dưới, liên tiếp của những tiếng, cũng là một nguyên tố của cái đẹp trong một câu thơ. Thể như những tiên nữ nối tay nhau nhảy một điệu nhịp nhàng. Đem thay xiêm áo của bầy tiên nữ ấy, đem xáo trộn thứ tự, hàng lối của các tiên nữ ấy thì, ôi thôi, còn đâu cái nhịp điệu xưa nữa ? Đàn sai cung bực, tiếng đàn thô sơ, cảnh Bồng Lai biến mất. Có thể có trăm lối diễn một ý, một tình, nhưng có một lối tuyệt diệu, mỹ thuật hơn cả, mà lối ấy nhà nghệ sĩ mà ta dịch văn đã tìm thấy rồi trong một phút cảm hứng thiêng liêng mà ta không có.

Nếu trọng nội dung của văn thơ, dịch giả bước từng bước, dịch từng chữ, không thay đổi thứ tự liên tiếp của tư tưởng, của hình ảnh thì lại có một nguy hiểm khác: ý còn nhưng hồn của ý không còn nữa, vì những chữ trong tiếng của ta xếp đặt theo lối ấy có lẽ nó lủng củng, không có duyên gì, hoặc làm mờ cái rõ rệt, sáng láng trong nguyên văn. Công việc của dịch giả quả thực là bạc bẽo.

■

Trên đây tôi đã nói đến dịch thơ nhiều hơn cả. Thơ có lẽ là thứ văn chương khó dịch nhất. Nó là hình, là sắc, là nhịp điệu. Hình sắc. nhịp điệu, biểu lộ ra bằng văn từ, mà mỗi văn từ có những của báu đặc biệt, có những khuê các riêng của nó. Dạo bài Nam Bình trên đàn violon chắc mất hay đi nhiều lắm, mà những bản nhạc Tây-phương sẽ mất tinh thần của nó trên những giây đàn nguyệt. (Còn chưa kể những cây đàn ấy có thích hợp không). Đã có các nhà khảo cứu về âm thanh nhận xét những hiệu lực mỹ thuật của tiếng, của lời, trong một ngôn ngữ, nó là của báu riêng của ngôn ngữ ấy. Có dịp một người Pháp ngỏ ý với tôi muốn thưởng thức cái đẹp của Kim-Vân-Kiều qua một bản dịch bằng pháp-văn, tôi đã vội vã (để làm một bổn phận) nói cho ông ta biết rằng bản dịch của Crayssac, và bất cứ một bản dịch của một ai nữa cũng không thể cho người ngoại quốc thưởng thức được cái đẹp của thiên Kim-Vân-Kiều. Cũng như người Việt-Nam ta không đọc Pháp văn không sao thưởng thức hoàn toàn được cái hay của một bài như Spleen của Baudelaire chả hạn, qua những bản dịch đã có.

Hoặc là người ta dùng văn suôi để dịch thơ, cốt diễn cái nội dung, thì câu thơ mất nhạc điệu chỉ còn là cái sác không hồn. Hoặc người ta dùng thơ để dịch thơ, theo như ý muốn của Voltaire, thì phải ghép vần, chọn tiếng, đây mới gặp một khó khăn lớn lao nhất là làm sao cho vần, điệu, không làm sai lạc cái nội dung tinh thần của câu thơ và cái nhạc cách của nó. Một cớ tỏ rằng công việc ấy khó khăn cực điểm là các bản thơ pháp dịch thơ Việt-nam, những bảo thơ Việt-nam dịch thơ pháp, tuy công phu, tuy không phải là không có giá trị nghệ thuật. nó vẫn thường làm mất cái hương vị của nguyên văn đến quá nửa.

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu,
Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn ai.

Mấy câu thơ của bà Thị-Điểm dịch Đặng-trần Côn. (*Tương cố bất tương kiến, thanh thanh mạch thượng tang ; mạch thượng tang, mạch thượng tang, thiếp ý, quân lâm, thùy đoản trường*) thực là hay nhưng ta cũng không khỏi nhận thấy rằng cảm hứng có hơi rãn ra trong những câu thơ việt. (Dù câu thơ việt có hay hơn câu thơ hán chăng nữa. mục đích của dịch giả cũng không có thể coi là đã đạt, vì mục đích của dịch là tôn trọng cái nghệ thuật của nguyên văn. không làm cho đẹp hơn lên hoặc xấu vụng đi). Vả lại giữa thi ca chữ hán và thi ca chữ việt, có một mối thân thuộc về âm thanh mà ta không tìm thấy trong sự giao thiệp với một một ngôn ngữ ngoại quốc, nhất là với ngôn ngữ tây phương. Và bà Thị-Điểm là một nghệ sĩ đã rung động cái nhịp rung động của tác giả, cũng là người Việt Nam.

Sau cùng nói đến thơ tượng trưng thuần túy thì dịch nó ở một thứ tiếng này ra một thứ tiếng khác mới thực là công dã tràng. Vì cái ý nghĩa mang bởi một bài thơ tượng trưng về loại ấy (thường khó hợi, thường tối tăm, có thể hiểu ra muôn hình trạng) không quan hệ gì

https://tieulun.hopto.org

mấy, mà quan trọng nhất là cái hình thể của nó : nhạc điệu, hiệu lực của một âm, một vần, những cái khó truyền cảm vô cùng.

Ở đây thực là chỗ thích hợp để nói : Dịch là phản.

■

Người ta bảo ; dịch văn ngoại quốc ra Việt văn là một việc rất cần vì rất có ích cho văn chương việt nam. Chân lý ấy ai cũng nhận thấy và đó không phải là một sáng kiến mới mẻ gì. Nếu ta chưa thực hành được ý ấy chỉ là vì lười biếng hoặc vì bất tài mà thôi. Ở Pháp có thể nói tất cả các tác phẩm quan trọng của triết gia. văn hào, thi hào Âu Mỹ đều đã được dịch ra Pháp văn bởi những ngọn bút có tài. Kịch của Shakespeare dịch ra tiếng Pháp đã ảnh hưởng lớn đến các quan niệm về nghệ thuật kịch pháp ở thế kỷ thứ 19 Tiểu thuyết của Tolstoi, Dostoiewsky, đã thấm lại những quan niệm cổ điển về tiểu thuyết ở Pháp. Những tác phẩm Đức (của Gœthe, Kant Hegel, Nietzsche. . . .), những tác phẩm Anh (của Skakespeare, Milton, Swift. Scott, Carlyle Dickens, Keats, Wilde . . . .), những tác phẩm Mỹ (của Irving, Emerson, E. Poe. W. James..) những tác phẩm Ý (của Leopardi. Papini...) và nhiều tác phẩm ngoại quốc khác nữa, đều đã được dịch ra tiếng Pháp. Sự giao thông với các tư tưởng bên ngoài đã là một nguyên cớ quan trọng của sự tiến bộ văn minh pháp. Người Pháp lại còn dịch một số tác phẩm văn chương của Trung-Hoa, Ấn Độ và Nhật Bản nữa. Những tác phẩm dịch ấy mở cho độc giả những phương trời mới, để họ so sánh, suy nghĩ, rồi thẩm xét lại nghệ thuật, tư tưởng của họ. Nó giúp cho sự cộng tác tinh thần quốc tế được thành, nó sửa soạn đường cho sự thành lập một nền văn chương nhân loại. Ở Âu-châu, khi một tác phẩm văn chương hoặc khoa học nào có giá trị ra đời là tức khắc được dịch ra rất nhiều tiếng ngoại quốc.

Có người đã bảo ; « Nếu một số văn sĩ phù phiếm nước nhà được đọc một vài tác phẩm bất hủ của Dostoiewsky, của Fielding, của Flaubert, Balzac . . . và những tiểu thuyết gia cận đại của Pháp, của Mỹ và của Anh, thì có lẽ họ sẽ không viết tiểu thuyết nữa, nếu họ có lương tâm. » Tôi cũng đồng ý như vậy. So sánh là con đường chắc chắn nhất đi đến khiêm tốn, mà cũng là con đường đi tới sự sửa mình. Cứ đóng cửa ở trong nhà thì còn trông thế nào thấy các miền giời xa rộng, các lối kiến trúc đẹp đẽ khác.

Nếu ở môn phê bình việt nam có rất ít nhân tài thì ở môn dịch văn thực đã có những công trình đáng quý. Cổ văn của Trung-Hoa và của nước ta đã được dịch đôi chút. nhưng tuy vậy chưa có thể gọi là đủ cho sự cần dùng. Văn chương Tây phương, nhất là văn Pháp đã được dịch bởi những cây hút có tài của các ông Phạm Quỳnh. Nguyễn-văn-Vĩnh, Nguyễn-Giang, v. v. (Đó là kể một vài tên nhiều người biết). Nhưng tác phẩm dịch còn ít ỏi lắm và những sách tư tưởng có giá trị của Âu Châu tới đây thường không được các dịch giả ưa thích bằng tiểu thuyết hoặc kịch bản.

Dịch văn suôi tuy không gặp những khó khăn cầu kỳ như khi ta dịch thơ, nhưng dịch giả cũng cần phải thận trọng và khéo léo lắm. Một lần nữa ta cần phải nhủ ta ; « Văn thể là tất cả trong một tác phẩm nghệ thuật » Dịch giả có tài phải trọng cái văn của tác giả. Làm sao mà diễn lại được cái duyên nhẹ nhàng của Anatole France, cái lối hành văn đặc biệt của một tác giả như André Gide, cái lời phong phú sán lạn và linh hoạt (như bọt rượu nồng) trong Oscar Wilde, cái không khí mơ hồ, điên dại trong văn của Shakespeare, của Dostoievsky. Đừng có như một dịch giả kia ngâm hộ một nhân vật trong một tiểu thuyết Đức câu Kiều : « *Người đâu gặp gỡ làm chi* » mà làm cho sai lạc đến tức cười cái tinh thần của tác phẩm. Và cũng chớ nên như một dịch giả kia cao hứng cho những nhân vật Tây Phương thốt ra những lời yêu đương không có ở nguyên bản, tương tự như « *Dù cho vật đổi sao rời, sâm thương đôi ngả, chúng ta cũng vẫn không quên nhau...* » Họ là những kẻ phản bội không tha thứ được. Không thêm bớt, không giảng dẫn, cố gắng đạt tới sự dịch cho xát nghĩa, với một nghệ thuật văn chương dung hòa hai chủ đích: trọng lối hành văn, lối chuyển vận tư tưởng của tác giả mà vẫn tránh được trúc trắc, khó hiểu, nặng nề, vẫn trôi chảy thanh khoát. Lẽ tất nhiên muốn đạt tới nghệ thuật ấy, dịch giả phải rất quen thuộc với văn họ dịch và với cách hành văn của tiếng nước họ

■

Công việc dịch thuật rất khó khăn mà lại rất cần thiết cho học thuật của ta lúc này. Người ta đã dịch « *Thuyền tình bể ái* », « *Bí mật thành Ba-Lê* » . . . Các nhà văn mới cần phải dịch các sách tư tưởng và những tác phẩm nghệ

https://tieulun.hopto.org

thuật đích đáng của nước ngoài. Một trang của Descartes, của Bergson, một văn phẩm của Gœthe của Nietzsche, một kịch của Shakespeare của Musset, sẽ là những của báu phương xa đáng để ta quý hơn những truyện trinh thám của Maurice Leblanc, hoặc những tiểu thuyết « tân thời » của Dekobra. Muốn để dân chúng việt nam hiểu cái tinh thần Tây Phương xâu xa hơn là qua những bề mặt hào nháng, tác phẩm dịch thuật cần phải có nhiều. Đã đến lúc ta nên làm việc hơn là lý luận.

ĐỊNH GIA TRINH.

Sẽ tiếp : **Đọc tiểu thuyết Việt-nam cận đại.**

Thống chế PÉTAIN đã nói :

« Chúng ta hãy giải mối ngờ-vực tích-lũy từ mấy đời chia-rẽ và tranh dành, chúng ta hãy quay đầu về những nhỡn-giới xa rộng để mưu sự hoạt động trên một cõi Âu-châu giảng hòa»

MỘT VÀI CHÍNH KIẾN CỦA KHỔNG PHU TỬ

(Tiếp lheo trang 3)

quen quy mô của một nhà giáo-dục ; « thói quen nhà nghề » cũng có hay và cũng có dở, đây ta chưa bàn đến. Nhưng ta nhận rằng khuôn khổ đại cương ấy rất rộng, nên lúc thực-hành, Khổng-Tử không bị lý-thuyết bó buộc. Mỗi một trường-hợp có một phương-pháp áp-dụng với sự phức-tạp của hoàn-cảnh.

«Tử-Cao hỏi cách làm chính trị, Khổng-Tử đáp : Phải cho người gần vừa lòng và người xa nao nức tới. — Lỗ Ai-công hỏi thì ngài đáp ! Phải biết trọn hiền. — Tề Cảnh-công hỏi thì ngài lại đáp : Nên tiết-kiệm. Tử-Cống lấy làm lạ, cùng một câu mà với mỗi người đáp một khác. Khổng-Tử giảng : dân của Tử-Cao bất mãn nên phải khuyên y thân-dân ; Lỗ Ai-công chỉ tin vào ba người tôi làm mê hoặc lòng y nên khuyên y nên khéo trọn người ; Tề Cảnh-công xa-hoa nên khuyên y tiết-kiệm.» (Thượng-thư lược thuyết).

Có lẽ vì Khổng-Tử khéo áp-dụng chính-thể với hoàn-cảnh, nên cầm quyền ở nước Lỗ có ba tháng mà nước được phục-hưng

Phan Anh.

ĐÃ CÓ BÁN :

LÀM TIỀN

phóng sự của TRỌNG LANG

tả rõ đủ các mánh khóc làm tiền của nhiều hạng người trong xã hội. Giá 1p.20

Tiêu nhiên mị cơ'

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

theo le roman de Tristan et Iseult, câu chuyện tình hay nhất thế giới. Giá 1p 25

KINH CẦU TỰ'

của HUY CẬN

Hiện đã hết.

CÒN ĐANG IN :

QUÊ NGƯỜI

tiểu thuyết dài đầu tay của TÔ HOÀI

dưới bút tác giả, tất cả cái xã hội lố lỉnh đáng thương ở nơi bờ tre đồng lúa được phác họa rất tinh tế, rất cặn kẽ.

CHUYỆN VÔ LÝ

phiếm luận của LĂNG NHÂN

PHÙNG TẤT ĐẮC tác giả **TRƯỚC ĐÈN**

DẶY VƠI

tập thơ kiệt tác của thi sĩ ; ĐÀI ĐỨC TUẤN tức TchyA dầy công biên tập trong mười lăm năm,

THƯ TỪ VÀ NGÂN PHIẾU XIN GỬI VỀ : Ô. LÊ VĂN DỰ, GIÁM ĐỐC

NHÀ XUẤT BẢN "MỚI"

Bắc-kỳ — 57, Phúc-Kiến — Hà-Nội

https://tieulun.hopto.org

CUỘC CẢI CÁCH GIÁO-DỤC Ở PHÁP

VŨ ĐÌNH HÒE

(Tiếp theo)

Phần III. — Các nền học đổi mới (1)

Nền trung-học

— *Sắc lệnh ngày 21 Septembre 1941 bãi bỏ khoa giáo dục cận-đại* (không có từ ngữ: la-tinh và hi-lạp) ở trường Trung-học từ lớp 6 đến lớp 3.

Giáo-dục cận-đại sẽ dạy ở các trường Cao-đẳng tiểu-học.

Ít ra trong bốn năm học-trò ở các trường Trung học phải học tiếng la-tinh và trong một thời hạn *sẽ định sau phải học tiếng hi-lạp*, — nghĩa là từ nay các lớp 6-B, 5-B, 4-B và 3-B, chỉ học tiếng sinh-ngữ, sẽ không có nữa.

Từ lớp nhì, các trường Trung-học dạy trong hai ban khác nhau, tùy học-trò chọn, khoa giáo-dục cổ-điển và giáo-dục cận-đại. Ở bực cuối cùng này, các trường Trung-học sẽ nhận cả học-trò trường Cao-đẳng tiểu-học muốn theo đuổi việc học và thi bằng tú-tài trung-học.

Việc cải cách xâu xa này thi hành dần dần cho đến vụ học Octobre 1943 thì thi hành triệt-để, nghĩa là ngày 1-10-1940 đã bỏ lớp 6-B, ngày 1-10-1941 bỏ lớp 5-B, ngày 1-10-1942 sẽ bỏ lớp 4-B và ngày 1-10-1943 bỏ lớp 3-B.

Tinh-thần của cả nền trung-học sẽ thay đổi hẳn vì việc cải cách này.

Từ đầu thế-kỷ thứ 20 trong bao nhiêu năm, phương-pháp và chương-trình giáo-khoa ở nền trung-học đã gây những cuộc thảo luận gay gắt giữa hai phái cổ-điển và cận-đại.

Đến năm 1937 với việc cải cách của Jean Zay, lập chế-định «giáo-dục duy-nhất» khoa giáo-dục cận-đại thiên về khoa-học thắng thế.

. . . . . .

Người ta cho duyên cớ tại nền giáo-dục nhân-bản cổ-điển ở nền trung-học đã bị suy vi do chế-định «giáo-dục duy-nhất».

Vì vậy, việc cải cách đầu tiên về các nền học của T. C. Pétain là phục hưng lại nền học cổ-điển, phương-pháp duy-nhất để đào luyện một phái thượng lưu có căn-bản vững vàng, có cốt cách và khi-tiết. (2)

— *Giờ học và chương-trình rút bớt*, để dành chỗ cho những môn thể-thao và «khoa giáo-dục toàn-thể.» Tuy nhiên những môn học dễ mở mang tinh-thần vẫn là phần chính. Học-trò lại được chọn nhiều môn trong chương-trình học tập, tùy theo sở thích.

Thể-dục từ nay sẽ được ghi trong chương-trình thi lấy bằng tú-tài trung-học. Kỳ thi thể-dục không bó buộc, nhưng điểm số mà thí sinh lĩnh được trong kỳ thi đó sẽ thêm vào điểm số các bài thi viết và vấn đáp.

Những cải cách trên đều có mục-đích là dành một phần quan trọng trong chương-trình giáo-dục cho việc rèn luyện tinh-khí và tâm hồn cùng những năng lực hoạt-động của cá-nhân (1).

Nền đại học

«Chúng tôi phải làm gấp những việc cần kíp; khi những việc đó đã tạm yên, là đến lượt nền đại-học phải sửa đổi.» Đó là lời tuyên bố của ông Ripert, tổng trưởng bộ giáo-dục ngày 19 Octobre 1940.

«Nền đại-học phải xửa đổi». Theo những nguyên tắc mà T. C. Pétain đã định rõ trong một bài đăng ở tạp chí: «Tân cựu thế-giới» ra ngày 15 Aout 1940,

«Ta sẽ giúp sự hợp tác giữa các nhà bác học và kỹ-sư và tuy không làm giảm giá nền đại-học của ta ta sẽ cố hướng dẫn về một chiều hợp với thực tế hơn, sự rèn cặp những kỹ-sư: y-sĩ, quan tòa và cả giáo-sư nữa...

Khoa-học tự do và không vụ lợi sẽ chiếm địa-vị tối cao trong đời tinh-thần của nước Pháp mới. Ta sẽ chia bớt lực lượng của Đại-học viện Paris để làm các trường Đại-học địa-phương trở nên những trung tâm điểm hùng cường trong việc khảo cứu và một vài trường có thể thành những nơi chuyên khảo cứu về hẳn một khoa. Ta sẽ không do dự gì mà mời, để cùng cổ vũ trong công việc tìm tòi, bên cạnh những nhân-viên trường Đại-học những nhà khảo-cứu đã từng tỏ tài đặc-biệt trong một ngành phát minh nào.»

Theo lời tuyên bố trên, ta thấy hai phương châm trong việc cải cách nền đại-học mà chính-phủ sẽ theo đuổi:

1·) Nền đại-học phải đào luyện những nhân tài có trách nhiệm điều khiển đời sống của Đoàn-thể trong khắp các ngành hoạt-động. Những phần tử thượng-lưu đó phải được rèn ở trường Đại học, theo một phương-pháp và một chương-trình đi sát với thực-tế, với một phần thực-hành chắc chắn.

2·) Ngoài mục-đích thực dụng trên, nền đại-học còn phải rèn luyện nhân tài trong công việc khảo cứu và sáng tác vô tư nó là thể cao quý nhất của sự hoạt động về tinh-thần.

Những cải cách đã thi hành theo chúng tôi biết mới thấy có hai việc. Về điểm dưới, một đạo luật trong tháng mars 1941 tổ-chức lại «viện *quốc-gia bác-học khảo cứu*» (centre national de recherches scientifiques). Chức vụ của viện này là «khơi mào», xếp đặt và khuyến-khích công việc tìm tòi trong các ngành khoa-học lý-thuyết hay thực-hành, và gây liên-lạc giữa các nhân-vật và các cơ quan chuyên vào việc này, phân phát những món tiền trợ cấp để giúp sự thành lập, mở mang, và hoạt-động của những phòng thí-nghiệm, những cơ quan hoặc cá nhân làm việc khảo cứu, — công bố bằng sách báo những phát minh có giá trị, — sau hết, giúp đỡ những nhà bác học hoặc gia-đình của họ bị lâm vào cảnh túng thiếu. Việc này đặt dưới quyền quản-trị của một hội đồng gồm có một viên giám-đốc, một viên phó giám-đốc và một ủy-ban tư-vấn.

Về phương châm thứ nhất, một đạo luật trong tháng septembhe 1941 đã cải tổ *trường Cao-đẳng bách khoa* (École Polytechnique) để ứng dụng vào công cuộc cách mệnh quốc-gia.

Trường này từ nay không rèn luyện sĩ quan nữa (1) mà chuyên vào việc đào tạo những kỹ-sư, những «thủ lĩnh» khắp các ngành hoạt-động quốc gia trong nền kinh-tế chỉ-huy. Trước hết phải cần một cái học uyên bác về kỹ thuật. «Kỹ thuật giữ phần ưu thế trong việc hành binh hiện thời. Thế mà trong mười năm qua, người ta khinh dị điều đó.

«Trong mười năm qua, trường Cao-đẳng bách khoa đã sao nhãng hẳn việc rèn các sĩ-quan trong sự dùng các binh cụ xảo thuật. Thuật hàng không bị hi sinh hẳn vì chỉ là một môn rất nhỏ trong chương-trình. Phao binh và chiến xa vẫn chỉ được coi như những binh cụ tiếp sức.» («Lời nói của Đại tướng Duval). Từ nay môn học kỹ-thuật sẽ rất khắc-nghiệt, cả phần lý-thuyết lẫn phần thực hành. Về phần thực hành sinh-viên phải tập công việc với khí cụ và máy-móc, tìm tòi và thực hành lấy những điều không dạy trong bài.

Vì họ sẽ là những người quản-đốc trong các ngành kinh tế sau này nên cái học chuyên-môn phải điều hòa với cái học «phổ-thông tri-thức» rộng rãi cùng với khoa thể-dục và đức dục mục-đích rèn cho họ một bản-lĩnh mạnh, óc định đoạt và quán xuyến, tinh-thần thượng võ, nang khiếu chỉ huy, chí cố gắng, sự hiểu biết trách-nhiệm, tinh-thần đoàn-thể và lòng tôn trọng kỷ-luật.

Trường lại còn có mục-đích là giúp sự nảy-nở và mở mang óc tìm tòi về khoa học trong một số học-trò có chí hướng và thiên-tư: đấy là vườn ương những bậc bác học kỳ tài.

Vì trường này không còn tính cách võ bị, nên việc quản đốc không do một đại tướng mà một viên tổng-giám (gouverneur) trong ngạch hành chính. Việc võ luyện thay bằng các môn thể-thao.

■

Nền tiểu-học (2)

Từ trước đến nay, nền tiểu học gồm có những lớp sau này:

- lớp dự bị (section préparatoire) một năm từ 6 đến 7 tuổi;
- lớp sơ đẳng (cours élémentaire) hai năm từ 7 đến 9 tuổi;
- lớp trung đẳng (cours moyen) hai năm từ 9 đến 11 tuổi;
- lớp cao đẳng hai năm từ 11 đến 13 tuổi.

Học-trò học đến hết năm thứ 2 lớp trung đẳng thì thi bằng sơ-đẳng tiểu học; có bằng đó thì được lên học lớp cao đẳng.

Từ nay nền tiểu học chia làm hai bực:

---

(1) Ở Đông-dương, việc cải cách giáo-dục tất nhiên phải theo nhịp với cuộc cải cách ở Pháp. Song chỉ đối với người Pháp, sự thi hành những cải cách đó mới làm ngay được như việc bỏ những lớp 6-B đến 3-B và lập môn thi thể-dục không bó buộc, trong kỳ thi tú-tài. Song đối với dân Đông-dương, chương-trình học xưa nay vẫn không đúng hẳn với chương-trình cho học-trò Pháp, vì phải thích nghi với hoàn cảnh và tinh-thần bản xứ. Vì vậy việc thi hành những cải cách mới gây những vấn-đề khó giải quyết.

Ở trường Trung-học bảo-hộ, đã lập một lớp 6, một lớp 5 dạy chương-trình cổ-điển Pháp (với một từ ngữ: tiếng la-tinh), song chính-phủ cũng thấy ngay là cải cách đó rất có lợi cho người Pháp chưa chắc đã hoàn-toàn có lợi cho người Nam, vì tinh-thần Việt-nam (nói rộng ra tinh-thần những dân tộc Á-đông) lại rèn luyện theo nền học nhân bản cổ-điển la-tinh và hi-lạp... Vì vậy chính phủ Đông-dương vừa lập một lớp 6 cổ-điển Á-đông (classe de sixième exirême orientale) bắt đầu khai giảng từ niên học tới ở trường Trung-học bảo hộ việc này sẽ nói ở số sau.

(2) Sau 2 năm thi-hành, việc cải cách này, đã sửa đổi lại và môn học cận-đại (chỉ có sinh ngữ) đã lập lại ở nền trung học nhưng theo một tổ chức hơi khác xưa một chút. Việc sau này sẽ nói ở số sau,

(1) Việc này đã có 2 trường binh-bị St Cyr và St Maixent.

(2) Chương trình nền tiểu-học Pháp mới đăng ở Công báo Đông-pháp số 59 ra ngày 25-7-1942.

https://tieulun.hopto.org

— bực thứ nhất (1er cycle) gồm các lớp dự bị sơ đẳng và trung đẳng (từ 6 đến 12 tuổi).

— bực thứ hai, 2 năm (2e cycle, 1ère et 2e années) tương đương với 2 năm lớp cao đẳng ngày trước.

Hết bực thứ nhất, học-trò thi bằng tiểu học dự bị (diplôme d'études primaires préparatoires). Tuy nhiên kỳ thi này không bó buộc vì nó chỉ có mục-đích để kén chọn học-trò giỏi. Vậy không được coi kỳ thi đó như là phần thứ nhất của kỳ thi bằng tiểu học (certificat d'études primaires). Kỳ thi này mới là kỳ thi chính danh để khảo hạch học-trò khi đã theo hết nền tiểu-học. Bằng tiểu-học này là một văn bằng bó buộc phải có trong tất cả những trường hợp cần đến bằng tiểu-học cũ.

Ý nghĩa của sự tổ-chức đổi mới trong nền tiểu-học là, trước hết kéo dài thiếu niên trong một thời kỳ lâu hơn vì phải học hết bực thứ 2 mới thi bằng tiểu-học, sau là hướng dẫn chúng về đời thực tế (chương-trình bực thứ 2 trong nền tiểu-học ; xem đoạn dưới.

Những nền tảng mới : phương-pháp và chương-trình

a) *Nền tiểu-học từ nay chú trọng về phần rèn luyện tinh-khí và tâm hồn của con trẻ hướng theo lý tưởng duy nhất :* PHỤNG-SỰ TỔ-QUỐC

1·) *Nền học ái quốc.*

Khoa luân lý và công dân giáo-dục dạy theo ba phương châm của nước Pháp : Cần-lao, Gia đình, Tổ quốc. Một tình cảm thiêng liêng : lòng yêu Nước phải gây trong óc con trẻ ngay lúc nhập-học (8 tuổi) và dần dần được biểu dương mãnh liệt qua các lớp để thành một nguyên động lực chỉ huy đời sống của thanh-niên. Đại khái trong chương-trình luân lý có những điều sau này : ở lớp dưới cùng : những câu chuyện luân lý, những tiểu-thoại lịch-sử cốt để gợi lòng ái quốc..; ở lớp trên nhất : « Tổ-quốc tinh-thần xả kỷ để phụng sự Đoàn-thể ; tôn yêu quốc kỳ ; Quốc-ca... Trung thành với Quốc-trưởng. Tiếng gọi của bậc Anh-hùng và bậc Thánh.

Tất cả người Pháp cùng chung một tín ngưỡng, cùng là những hiệp sĩ của một lý tưởng, tượng trưng trong một tiếng duy nhất : nước Pháp... » (1)

Tư tưởng quốc gia còn làm then chốt cho môn học lịch sử : « Những thời kỳ oanh-liệt hoặc thảm khốc, những công việc vĩ đại của các danh nhân để sây dựng tổ quốc... » là những điểm chính trong chương trình.

Môn học văn-chương ngoài việc mở mang trí-thức và óc phán đoán cũng phải làm mạnh thêm những tình cảm mới và lòng ái quốc bằng sự chọn lọc những đoạn văn của các nhà hiền-triết và văn-hào Pháp có danh tiếng.

Môn học địa-dư chú trọng đến dân số và sự hoạt-động kinh-tế của nước Pháp đến cuộc sinh-hoạt và phong tục của vùng quê quán học-trò. Một thiếu-niên Pháp ở trường tiểu-học ra sẽ hiểu rõ nước mình. Môn địa-dư đã phụ họa vào bài học ái quốc mà các môn lịch-sử, luân lý và pháp-văn đã dạy kỹ càng.

Một môn học mới được thêm vào chương-trình, mục-đích không ngoài phương châm trên — môn học về dân số (enseignement démographique), dạy cho học-trò biết cái nguy cơ do sự hao giảm dân số ở Pháp, vạch tội trạng của chủ-nghĩa cá-nhân và độc thân, cùng chứng rõ và biểu dương sự quan trọng của những gia-đình đông con trong việc gây sức mạnh cho nước.

2·) *Nền học đạo.*

Vẫn theo những phương châm trên, chính-phủ Pétain thực hành một cải cách mạnh bạo là lập lại *khoa dạy tôn giáo* trong nền tiểu-học.

Ông Marcel Bastier đã giải thích ý của Quốc-trưởng Pháp trong báo Công-luận (Débats) : « Người định bảo tồn cái nền-nếp cổ truyền chính-thức của nước Pháp. Không ai chối được rằng nước Pháp là một nước theo đạo Gia-tô. Một nghìn năm tín ngưỡng đã gây cho nước đó một linh hồn sán lạn và một nền văn minh quý giá. Không phải vài nghìn người ở các phái đảng lấy cớ trung-lập để che đậy hành động phản đối giáo-hội, mà có thể cản trở được việc phục hưng hồn nước, . . »

. . . . . .

Vả lại, không có cách gì rèn luyện tâm hồn mạnh bằng lòng tín ngưỡng.

Trong khoa lịch-sử từ nay người ta nhắc lại những công uộc và ảnh hưởng hùng tráng của đạo Gia-tô. Trong khoa luân lý, người ta sẽ dạy những bổn phận đối với gia đình, tổ-quốc và cả đối với đấng Thượng-đế. Thực ra không phải đấy là môn học đạo. « Ý niệm một đấng Chúa-tể cả muôn loài, là một ý-niệm hợp với lý-trí và nhân loại đã được coi như nền tảng duy nhất của đạo-lý. Chính Jules Ferry, một tác giả đạo luật 188 tổ chức nền tiểu-học công biệt lập với tôn-giáo (enseignement laïc) cũng công nhận rằng : ý-tưởng Thượng-đế và Linh-hồn bất diệt là những ý tưởng triết-lý không có gì trái với sự trung-lập đối với các đạo. Vậy đem ý-tưởng tôn-giáo vào nền học công, chính-phủ không có ý bảo trợ

(1) Chương-trình khoa luân lý ngày xưa ở 2 lớp đó đại loại như sau này : những tiểu thoại luân lý. Đời sống của các danh nhân. Sự rèn cập những thói tục tốt : sạch sẽ, thứ tự, lễ phép... (ở lớp dưới cùng) — Lương tâm và tính nết Tu thân — Công-bình và xã-hội liên đới — Sự tổ-chức làng quận nước — Công dân quyền lợi và bổn phận. Hội quốc-tế liên minh (ở lớp trên nhất).

https://tieulun.hopto.org

riêng một đạo-giáo nào, Gia-tô, Hồi-hồi hay Do-thái...[1]» (Bastier).

Khoa học đạo sẽ dạy riêng và ghi trong chương-trình không bó buộc. Mỗi tuần lễ một giờ rưỡi. Môn học này không phải do các giáo-viên trong học giới dạy mà do mục-sư của các đạo trong các giáo-đường. Một đôi khi học-trò học đạo ngay trong trường, nhưng chỉ những khi xấu giời hoặc ở những nơi mà nhà thờ ở xa trường hay nhỏ hẹp tối tăm có hại cho sức khỏe con trẻ. Luật pháp lại cho phép các lớp nghỉ học mỗi tuần lễ một buổi sáng để những trẻ có học đạo không phải học vào những giờ bất tiện.

Thái độ dễ dãi của chính-phủ trong việc học đạo và đối với « nhà Đạo » còn tỏ rõ trong việc thủ tiêu đạo luật 7-7-1904 nó đã bãi bỏ nền học « nhà giòng » (enseignement congréganiste). Tuy nhiên đạo luật này từ cuộc Âu chiến 1914-1918 đã không thi hành nữa, và trường « nhà giòng » vẫn có, gọi là trường tư thục rèn cập một phần 5 số trẻ con trong nước. Vậy chính-phủ khi thủ tiêu đạo luật chỉ làm hợp pháp một hiện trạng sẵn có. Có điều mới, là nền tư-thục từ nay được chính-phủ săn sóc giúp đỡ bằng những món tiền trợ cấp, bằng những món tiền trích ở quỹ khuyến học của các àng và dùng để mua sách vở giấy bút phát không cho học-trò dù học ở trường công hay trường tư.

Nền tư thục (các trường nhà giòng) nay được đối đãi ngang hàng với nền học công trong việc đào tạo thanh-niên mới cho nước Pháp. Từ nay, trong kỳ thi tiểu-học, nhân-viên trong các trường nhà giòng được tham dự vào hội-đồng chấm thi nếu có học-trò trường tư ứng thi. Việc học không mất tiền đã bị bãi ở nền trung học, một nguyên nhân cũng là để đặt ngang hàng trường công và trường tư (ở trường tư, học phải trả tiền) : các gia đình không còn sợ phải mất tiền hay không khi cho con học ở trường trung-học đạo hay trường trung học nhà nước.

Nói tóm lại, nguyên tắc trung-lập của chính-phủ đối với các giòng đạo vẫn giữ nguyên vẹn.

. . . . . .

Kết-quả của thái-độ ấy là gây lại sức mạnh cho đạo Thiên-chúa, tức là phục hưng cả nền luân-lý đạo đó, cái nền luân lý đã rèn luyện tâm hồn người Pháp trong bao nhiêu thế kỷ, — mà phục-hưng nền luân lý của đạo Thiên-chúa tức là phục hưng hồn của cả nước Pháp: Mục-đích mà T.C. Pétain muốn đạt tới mà không phải bỏ nguyên tắc trung-lập về vấn-đề đạo giáo, nguyên tắc đã in sâu vào óc mọi người.

■

b) *Nền tiểu-học từ nay là một nền học thiết thực, thực dụng, liên-lạc với thực-tế. Nó rèn luyện SỰ HOẠT-ĐỘNG của thiếu-niên để phụng-sự Tổ-quốc.*

Muốn phụng-sự tổ-quốc, một lý tưởng thần bí những đức tính cao thượng, một tâm hồn mạnh là những điều kiện căn bản. Nhưng chưa đủ. Còn cần một thân thể cường tráng, một óc thảo vát, còn cần hiểu rõ thực-tế và biết chu đáo một nghề.

1·) Khoa thể-dục và giáo-dục toàn thể sẽ chiếm 9 giờ trong một tuần lễ (có 31 giờ rưỡi tính cả giờ học đạo) ở các lớp dưới và 11 giờ rưỡi ở 2 lớp trên.

Chương-trình có : vệ-sinh thực hành và khoa cấp cứu, vẽ và thủ công ở trong buồng học, thủ công ở ngoài giời, hoạt-động ở ngoài giời, đàn hát, thể-dục và thể thao. Một y-sĩ khám xét luôn luôn con trẻ và ghi vào một phiếu gọi là phiếu sức khỏe. Còn giáo-viên thì ghi sức nhớn bằng cách đo lường; như vậy các gia-đình cứ sáu tháng lại được biết những kết quả về thể-dục của con trẻ.

Khoa giáo-dục toàn-thể không những tập luyện những năng lực hoạt-động của thiếu-niên, mà lại còn, — như đã nói ở một đoạn trong bài trước, — rèn nhiều đức tính tốt, rèn tinh-khí và ý chí.

Thể-dục và thể-thao xưa chiếm có 3 giờ nay những 5 giờ rưỡi và 6 giờ rưỡi.

« Những hoạt-động hướng dẫn » đã có trong chương-trình từ 1937 với cuộc cải cách Jean Zay, nhưng đến thực hành thì chưa theo một tổ-chức duy nhất và chưa được những kết quả chắc chắn vì nhiều sự khó khăn.

2·) Chương-trình trí-dục vẫn gồm có như xưa những môn Pháp văn, những điều cương yếu về toán-học, lịch-sử, địa-dư khoa-học, nhưng theo những chương trình dàn dị hơn trước tước bỏ cả những cái gì có tính cách lý thuyết và tham bác bách khoa. Đem so chương-trình xưa và nay ta thấy chương-trình mới nhẹ đi đến một nửa.

Tất cả các môn học nay điều sony cả về chiều thực dụng như vệ-sinh, thực hành pháp luật thường thức, khoa xử thế. Khoa học (vật lý học tự nhiên học) dạy về phần ứng dụng trong đời và bỏ hẳn phần chỉ có giá trị về học vấn. Cả khoa toán-pháp ở các lớp trên, chỉ chuyện việc giảng rộng thêm những điều rất dản-dị dạy ở các lớp dưới, và thích nghi những bài học với đời sống hằng ngày. Những bài tính đố ra trong lớp hay ở các kỳ thi bằng tiểu-học phải là những tính đố lấy trong đời thực tế ..» (trích trong những điều hiểu-thị của bộ giáo-dục,.

3·) Để nền học được liên lạc với thực-tế, người ta dạy cho con trẻ biết tường tận nơi vùng chúng ở bằng knoa lịch-sử và địa-dư địa-phương. Lịch-sử làng quê quán sẽ dạy luôn vào các cương mục của lịch-sử nước Pháp. Nhưng nói rộng ra thì lịch-sử địa-phương tức là lịch-sử một quận, sẽ dạy riêng trong năm hay sáu bài học,

(Xem tiếp trang 31)

https://tieulun.hopto.org

PHỤ CHÚ BÀI:

CHIẾC GẠCH NỐI GIỮA HỌ VÀ TÊN NGƯỜI Ở THANH NGHỊ SỐ 19

Viết xong bài trên (*Chiếc gạch - nối. . .*) chúng tôi lại vừa được tiếp xem một bài khảo luận rất công phu về ngôn-ngữ của ông Nguyễn xuân Khang, đăng trong tân kỷ yếu hội khuyến học Nam kỳ tháng giêng 1942. Bài đó bàn về vấn đề « nên để hay bỏ gạch-nối liền » cũng có bàn tới cách viết họ và tên người (Bul. S. E. M Corl. Janvrier 1942. trang 36.37) Ô. Nguyễn xuân-Khang cũng chỉ trích lối viết có gạch nối giữa họ và tên và do thế, ấn định cách viết rời hai tiếng đó trong những nhân-danh :

Phạm Quỳnh, Lê Dư, Phan Khôi.

Có một chỗ chúng tôi không đồng ý với Ô. Nguyễn là đoạn ông đã không phân biệt rõ rệt mấy những chữ đệm (bài đó gọi là *chữ lót*) với những tiếng tập-hợp với tên người để thành một tên kép. Tác-giả đã viết :

Trần Trọngkim
Hồ Trọnghiếu

Thực ra tiếng « Trọng » ở đây rất có thể (có nhẽ chắc chắn nữa, như rất phần nhiều chữ « trọng » dùng giữa họ và tên người) chỉ là một tiếng đệm. Chữ « Trọng » đây nghĩa là thứ hai (仲) chứ không phải nghĩa là nặng, là tôn kính (重)

Theo ý kiến chúng tôi đã nói ở trên, *hiện thời* đối với một số đông họ tên của dân ta, cách viết họ kép hay tên kép phải để tùy theo quan niệm của người có tên (hay của người đặt tên). Trong một nhân-danh ba tiếng, tiếng giữa có thể đứng riêng biệt để làm một tiếng đệm, hay ghép với họ làm một phức-tính hay ghép với tên làm một phức-danh.

Ô-tổ, nhà lầu... cái mộng đó sẽ thành sự thực nếu các ngài bỏ 1$00 mua VÉ SỐ SỔ ĐÔNG-DƯƠNG

HỘP THƯ

Vì mới thu được ở các nhà đại-lý một ít số còn thừa (số 9, 10, 11, 13, 14, 17) các bạn nào cần đến những số ấy, xin cho biết ngay.

Ô. Đặng văn M nh (Dalat). — Báo cũ không còn đủ từ số 1 đến số 15. Nếu ông bằng lòng lấy những số còn nói ở trên thì xin gửi khi nhận được ngân phiếu của ông (1p.55). Ông muốn viết bài giúp, xin cứ gửi. Nếu hay sẽ đăng và thành thực cảm tạ trước.

Ô. Đào anh Tr. — Không đăng được. Xin cám ơn và xin lỗi.

Ô. Ô. Lê chí Toàn (Huế), V. t. Khang, Phan đình Tá Saigon) — T. N. cũ thiếu mất nhiều số lắm. Lệ mua báo xin giả tiền trước.

SÁCH MỚI

Chúng tôi vừa nhận được :

PAROLES DU MARÉCHAL Quyển III do phủ toàn quyền xuất bản.

1) GHEN, kịch 3 đoạn của Đoàn phú Tứ, nhà xuất bản Nguyễn-Du. Giá 0p.80.

2) NHẠT TÌNH, tiểu thuyết của Mạnh phú Tư, nhà Cộng-lực xuất bản.

3) NGƯỜI RỪNG và VÒNG QUANH THẾ GIỚI, loại sách Hoa Mai của nhà Cộng-lực. Giá 0p.10 một cuốn.

4) VIỆT-NAM VĂN-HỌC — Văn học đời Trần I, Mai-Lĩnh xuất bản.

5) SÁCH DẠY CHỮ NHO của Dương bá Trạc.

6) PHỤ MẪU BÁO ÂN TRỌNG KINH, Sinh Minh thư quán (Vinh) xuất bản. Giá 0p.10.

7) THƠ NGỌC BÍCH của Nguyễn văn Phúc. Giá 0p.70.

8) XUÂN THU NHÃ TẬP, Đoàn phú Tứ chủ biên, Nguyễn lương Ngọc xuất bản. Giá 1p.50.

9) THẮNG PHƯỢNG của Nguyễn đức Quỳnh do Hàn Thuyên xuất bản 1p.50.

10) VIỆT-NAM DƯỢC HỌC IV, tác giả Phó đức Thành, nhà Mai-Lĩnh xuất bản, giá 0p.80.

11) NGUYỄN TRƯỜNG TỘ in lần thứ 2, tác giả Nguyễn Lân, nhà Mai-Lĩnh xuất bản, giá 1p.20.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu với các bạn đọc.

■

Cuộc triển lãm sách báo

Được tin nhà sách Minh-Đức — Thái-bình tổ chức từ 30 Août đến 30 Septemdre 1942 một cuộc triển lãm sách báo một việc đáng khen vì ngoài tính cách quảng cáo, còn có ý nghĩa bầy những bước tiến bộ của nghề làm báo và viết sách trong 50 năm gần đây. Mong rằng cuộc triển lãm sẽ được kết quả mỹ mãn.

https://tieulun.hopto.org

HÓA HỌC THỜI CẬN-ĐẠI

NGỤY NHƯ KONTUM

KHOA Hóa-học đã dần dần trở nên một môn cốt-yếu cho vấn-đề sinh-hoạt của loài người, gần như một yếu-tố của « nghệ-thuật sống » của nhân-loại. Là vì càng ngày ta càng thấy tràn lan trên thị-trường nào hóa phẩm, nào dược phẩm, nông phẩm, cho đến thực-phẩm, thảy thảy đều do Hóa-học thực hành chế tạo ra. Đó là chưa kể rằng nhiều trường hợp ta sống còn nhờ Hóa-học mà vì vô tình ta không biết: thầy thuốc chữa bệnh cần phải thử máu thử đàm v.v.

Sở dĩ ngày nay Hóa-học thịnh hành như thế là vì phương pháp đã đến một trình-độ tinh-vi khiến cho khoa học nhiều lúc có thể thay được Tạo Hóa, hoặc để tra tìm những hóa-chất cần thiết hay tàn hại, dù chất ấy ấy chỉ thoảng qua rất ít, hoặc để chế tạo ra tất cả những chất nhuyễn. Từ ngày ông Lavoisier dựng nền tảng khoa Hóa-học trên những căn sở bền chặt, khoa Hóa-học đã từng biết bao nhiêu ngày lịch sử tưng bừng. Không đầy một trăm năm sau ngày khai mạc, Hóa học đã đi được hết những bước đường mà Lavoisier chỉ hướng. Người ta đã biết rằng tất cả các chất trong vũ trụ thảy đều cấu-tạo bằng vài ba chất đơn hợp lại, theo tỉ-lượng nhất-định tùy theo chất mà thay đổi. Những chất đơn ấy, người ta cũng đã biết được tất cả: tựu-trung có 90 chất; ấy là 90 nguyên-tố trong bản nguyên-tố mà nhà Hóa-học nào cũng thuộc lầu.

Chỉ 90 nguyên-tố hợp nhau lại khác nhau mà thành ra được tất cả cái vũ-trụ phức-tạp và phong-phú ở dưới mắt ta thật khoa học đã đi được một bước dài sau khi phát-minh ra điều đó. Mà từ đấy công việc của Hóa-học cũng thấy giản-dị biết là bao nhiêu. Thành thử ngày này đứng trước một chất mới chưa từng biết nhà hóa-học chỉ một mực dùng các phương pháp « phân-chất » (analyse) để tìm những nguyên-tố gì đã kết thành chất ấy, và tỉ-lượng mỗi nguyên-tố là bao nhiêu. Rồi sau muốn kiểm-chứng những điều đã khám xét được, nhà hóa-học cần phải làm phép ngược lại, nghĩa là từ các nguyên-tố lấy theo tỉ-lượng đã tìm ra, hợp-hóa lại để kết thành chất cũ: đó là phương-pháp « Hợp kết » (aguthère). Nếu trong trường hợp ấy, nhà hóa học chế lại được một chất giống hệt chất đã phân-tích trước, thì nhà hoa-học mới có thể nói được rằng mình đã biết đích xác chất mình đang khảo-cứu.

Quy-củ của khoa Hoa-học gồm hầu hết trong hai phương-phap « phân-tích » và « Hợp kết » tôi vừa mới kể trên, những tiến-bộ của khoa Hóa-học trong nửa thế-kỷ gần đay, ta có thể nói chỉ trong kế-sách tỉ-mỉ, trong tiểu-tiết mà đại-cương thì đã thiết định từ ngày ông Lavoisier.

I

Về phương-diện *phân tích*, thì thời cận đại đã thấy nảy nở và tiến-bộ một môn rất mới, có the gọi là môn « *phân-tích tinh vi* » (micro analyse) là vì phương pháp ấy chỉ cần dùng có vài ly-gam (phần nghìn trong một gam) chất muốn khảo-cứu, để cũng có thể tìm ra được rành mạch nào là các nguyên-tố nào là tỉ-lượng trong hợp-chất. Ai đã từng phân-tích chất hoa học theo phương pháp thông thường cũng hiểu rõ những nỗi khó khan là phải tránh sao cho khỏi hoang phí cái chất mình muốn phân tích Trừ một vài trường hợp đặc biệt, nhưng chất mới phát-minh ra lúc nào cũng lọc được rất ít, càng tinh trong bao nhiêu càng khó chế ra nhiều, Nếu gặp phải một chất rất loãng, nghĩa la chỉ dự một phần rất nhỏ (vài phần trong một triệu chẳng hạn) trong các hỗn chất có chứa chất ấy thì lọc ra cho được vài ly gam biết bao la công-trình.

Vì những lẽ ấy, lần đầu tiên ông Raspail (1940) mới nghĩ ra kế làm tất cả phương pháp phân-tích trong một phạm-vi vô cùng hẹp nhỏ lại; chỉ dùng vài ly-gam chất, dựng trong những cái bình rất tinh-vi, có lẽ để cho ruồi uống nước cũng vừa! Cố nhiên là muốn xem xét những phan-ứng gây nên trong những thế giới tí hon ấy, con mắt ta không đủ tinh tế nưa mà cần phải dùng đến kính hiển vi. Vì thế cho nên ông Raspail đa từng nói rằng « từ rày ống sẽ dời phong thí nghiệm của ông lên trên mảnh kính đựng vật xem ở kính hiển-vi của ông ». Lời nói ấy có ý-nghĩa thay. Hơn nưa, ông Raspail đa gia công tìm kế de vừa trong ở kính hiển-vi vừa có the đọng được vật mình đang

https://tieulun.hopto.org

xét, đặng xem cho tường tất cả các mặt. Thí dụ muốn quan sát về hình dáng của những tinh-thể (cristal) kết trong một phản ứng nào, ông đã khéo ý đổ trên mảnh kính thêm một giọt rượu cồn vừa bốc hơi, thì những lớp ở dưới cũng cuồn cuộn lộn lên, giọt cồn luôn luôn lay động, sẽ xoay tinh-thể đủ các chiều để cho mắt ta tha hồ ngắm nghía đủ các mặt.

Về sau các ông Boricky, Rosenbusch, Behrens, Haushofer, v, v, đã dần dần dẫn phép « phân-tích tinh-vi » đến con đường càng ngày càng tinh-xảo, và đã có thể phát lộ ra nhiều nguyên-tố gần như chỉ phảng phất trong một trạng-thái Nhưng những phép phân tích ấy tuy rất huyền diệu, mà vẫn chỉ dùng được để định tính các nguyên-tố hiện có trong một hợp chất. Nó không thể giúp được cho ta biết tỉ-lượng các hợp-chất ấy.

Mãi đến gần đây, trong vùng năm 1910 các ông Prehl và Bang mới chế ra được nhiều khí cụ tinh-vi, nhất là một cái « cân vi tiểu » (microbalance) rất nhậy đến nỗi có thể lường được hai vật hơn kém nhau chỉ vài phần nghìn trong một ly-gam. Với những khí cụ ấy, người ta đã có thể nghĩ đến phép ghân-tích định lượng tinh-vi (microanalyse quantitative) và dần định được tỉ-lượng của những chất mà nhà hóa-học mới chế lọc được độ vài ba ly-gam mà thôi,

■

Nhờ thế mà cách đây mười năm, nhà hóa-học mới tìm ra được cặn kẽ kiến trúc các chất hữu-cơ như hooc-mon (homones) và vi-ta-min (vitamines). Chất hooc mon, người gọi Tàu là khích thích-tố là những chất do các nội tuyến trong thân thể sinh-vật phân-tiết ra và thấm vào huyết dịch để dục các khí-quan, khích thích cả cơ thể, bảo-vệ sinh-tồn. Những chất ấy chứa rất loãng trong các dịch của nội-tuyến phân tiết ra cho nên lúc trước so sánh dịch của người ốm và dịch của người lành, không thế nào biết được có khác. Mãi đến sau này, nhờ phép phân-tích-tinh-vi người ta mới phát lộ được trong dịch người lành có những chất rất cần-yếu, tuy rất ít mà rất hiệu lực những chất ấy Bayliss và Starling đã đề-nghị gọi *hormones* (1902). Và đến mấy năm gần đây, Hóa học mới biết được tỉ-lượng nguyên-tử cấu-tạo các chất ấy, và cũng đã biết được cách « hợp kết » chế tạo ra những chất nhân-tạo đủ hiệu lực như chất thiên nhiên, và cơ thể thay cho các chất ấy. trong những cơ thể thiếu-thốn, cứu vớt được bao nhiêu tính mệnh hèn yếu.

Còn chất vi-ta-min, người Tàu gọi là sinh-tố thì mãi đến gần đây (1932 1935) người ta mới phát minh ra được vì có nhiều chất có hiệu-nghiệm rất mãnh-liệt mà phân lượng không đầy vài phần vạn trong một ly-gam. Người ta bắt đầu nhận thấy sự cần yếu của chất vi-ta-min là vì khảo-cứu về các bệnh thũng, bệnh lại và bệnh hoại-huyết (béri-béri, pellagre, scorbut) người ta nghiệm rằng các bệnh ấy nguyên-do không phải vì có một thứ vi trùng gì gây nên (như tất cả các bệnh khác) mà lại vì trong thức ăn của con bệnh đã thiếu thốn một vài chất. Và những chất ấy phần nhiều lại dồn dập trong phần mà ta hay khinh thường nhất; như vi-ta-min B1 tức là chất trị bệnh thũng thì chứa trong cám cho nên ai ăn gạo máy là thứ gạo sạch cám nhất hay mắc phải bệnh thũng. Mà chỉ cần có dưới 2 phần nghìn trong một ly-gam chất ấy cũng đã đủ tránh khỏi bệnh. Những chất vi-ta-min mà hiện nay hóa học đã biết rõ thể cách) ngoài chất vi-ta-min B1 vừa mới kể trên này thì có chất vi-ta-min C trị bệnh hoại huyết; chất vi-ta-min B2 giúp cho phát dục của đứa trẻ và vì thế chứa chuyên trong sữa, trong một vạn lít thì có độ 1 gam; chất vi-ta-min A cũng giúp sự phát dục. Chứa trong dầu gan cá, trong cà-rốt; chất vi-ta-min D trị bệnh ốm còi (racithisme) chứa trong dầu gan cá tuyết (huile de foie de morue) chỉ một hai phần vạn trong một ly-gam cũng đủ tránh bệnh.

Xem như thế đủ biết phép phân-tích tinh-vi đã phải vượt qua bao nỗi khổ khăn và đã đến trình độ hoàn hảo là thế nào mới phát lộ được các chất ấy.

II

Những tiến-bộ về phương-pháp « *hợp-kết* » có lẽ càng rõ rệt hơn, và nhất là nhiều ảnh-hưởng quan-trọng về mặt thực-tế, khiến cho công chúng càng để ý đến khoa Hóa-học ngày nay.

Từ ngày ông Cavendish đốt hai khí hy-drô với ốc-xy, thành tựu được chất nước, thì dần dần các chất vô-cơ (substances inorganiques) nhà hóa-học cũng cấu-tạo được nguyên-tố, kết-hợp lại. Không phải nhà hóa-học có ý gì muốn tranh quyền của tạo-hóa, mà gắng sức chế ra những chất nhân-tạo cho giống hết các chất thiên-nhiên : công-cuộc đâu có phải dễ dàng hoặc rẻ rúng gì, ngả tay hứng giọt nước mưa sa có phải dễ hơn đi cày cục và tốn tiền trăm bạc chục để chế ra hai khí hy-drô và ốc-xy rồi mới hợp kết lại! nhưng sở-dĩ nhà hóa-học làm

https://tieulun.hopto.org

những công cuộc gần như điên-cuồng ấy về mặt thực-tế, cũng vì về mặt lý-thuyết, lý-trí của người ta cần phải có như thế để chứng nghiệm rằng chất nước chẳng hạn thật đúng cấu-tạo vì hy-drô và ốc-xy kết-hợp lại. Phương-pháp hợp kết đây chỉ là cuộc thí-nghiệm ngược lại với phương-pháp phân-tích.

Cũng thỉnh-thoảng có một vài phản-ứng hợp kết hoặc vì dễ dàng hoặc vì lợi lớn, đã gây nên vài kỹ-nghệ chế phẩm-vật nhân-tạo như kỹ-nghệ a-cit sun-phua-ric, a-cit ni-tric, v.v. Nhưng trong phạm vi hóa-học vô-cơ những lợi ấy chưa biện hộ được cái công lao khó nhọc của nhà hóa-học sưu tầm mưu-kế hợp-kết.

Duy có các chất hữu-cơ (substances organiques) thì mãi đến đời ông Berthelot (1860) thì người ta mới tin sức người có thể cấu-tạo được, chỉ dùng nguyên-tố mà đạt đến chất kép. Là vì các chất hữu-cơ thảy đều trích ở sinh-vật mà ra, dù là cây cỏ hay động-vật ; mà thuở ấy thì đang còn thịnh hành cái tin-tưởng rằng các giống sinh-vật phải có một « *sinh-lực* » giúp cho giống ấy sống và còn cần-yếu cho các cuộc biến hóa gây nên các chất trong cơ thể. Nhờ có tài sáng-kiến và trí minh-mẫn của Berthelot, tiếp tục trong mấy năm trời thành-tựu biết bao nhiêu phép hợp-kết (hợp-kết a-cit mỡ và rượu gly-cê năm 1853, rượu cồn năm 1854, hợp kết chất tinh dầu cải sen năm 1855, chất a-cit mê-tan-nôic năm 1856, rượu mê-tyl-lic năm 1857, khí ê-tin (đốt đèn) năm 1862, acit ôc xa lic năm 1867) người ta mới bó buộc phải tin rằng các chất hữu-cơ cũng có thể cấu-tạo bởi sức người được.

Và từ đấy, trong hơn một trăm năm, biết bao cuộc biến cải trong phương-pháp hợp-kết, càng ngày càng hoàn-hảo, càng tinh-xảo.

■

Ba phương pháp có lẽ quan-trọng nhất, vì có ảnh hưởng rất lớn cho nền tảng khoa hợp-kết các chất hữu-cơ là phương-pháp dụng sức ép cao độ (emploi des hautes pressions), phương pháp kết-cấu cao-lượng (polymérisation).

Phương-pháp dùng *sức ép cao* độ phần nhiều áp dụng trong các hợp-kết cớ khí hy-drô tham dự. Mà những phản-ứng có hy-drô tham dự thì rất nhiều vì hy-drô là một nguyên-tố trọng yếu trong các nguyên-tố cấu-tạo nên chất hữu-cơ chỉ thua có chất cac-bon là chất cột trụ. Cho nên biết được kế để bắt buộc hy-drô hợp kết với chất khác, tức là giúp rất đắc lực cho việc chế nhiều chất hữu-cơ nhân-tạo. Kế ấy không gì hơn kế ép khí hy-drô rất mạnh, để như xui dục các nguyên-tử vì chật quá mà kiếm đường thoát, dù con đường thoát ấy là con đường hợp kết với một chất khác. Ép càng mạnh, hiệu lực càng rõ ràng, vì thế nhà hóa-học đã gây cho nhà kỹ-thuật cái ý nghĩ sưu-tầm và phát minh ra các phương-pháp ép khí cao độ. Hiện nay, những phản-ứng dụng hy-drô dưới sức ép 200, 500 ki-lô mỗi phân vuông đã thành rất thông thường.

Phương-pháp *tiếp-xúc tác-dụng* khơi mào từ năm 1835, sau điều nghiệm xét của Berzélius rằng có nhiều chất chỉ vì cọ sát với những chất đang phản-ứng mà đủ xui dục, kích thích cuộc biến-hóa nhưng không tham dự một phần mảy may vào cuộc. Berzélius tin chắc rằng những chất có cái đặc-tính ấy phát triển dường như một cái sức cảm hóa, mà ông đề nghị gọi là lực tiếp-xúc tác-dụng (force catalytique). Ý-nghĩ của ông hẳn sai, nhưng chữ của ông mới tạo ra rất được hoan nghênh, nhất là về sau người ta phát minh ra rất nhiều phản-ứng, về Hóa-học vô-cơ cũng như thuộc về Hóa-học hữu-cơ, nhiều nhất thì về hữu-cơ, phải có tiếp-xúc tác-dụng mới chịu xuất hiện. Mãi đến bây giờ, nếu người ta đã biết lợi-dụng cái hiện tượng và biết cách xoay chiều tuy theo ý muốn của mình, người ta cũng vẫn còn mơ hồ về cơ chế của nó. Chỉ trong một vài trường-hợp, như về tiếp-xúc tác-dụng của chất « Ni-kền vụn » (nikel réduit) thì hai ông Salatier và Senderens đã kiếm ra được thuyết giải gần được hài lòng.

Dù sao, phương-pháp tiếp-xúc tác-dụng vẫn có ảnh-hưởng rất quan-trọng đến nền hóa-học trong mấy mươi năm gần đây, và lịch-sử những kỹ nghệ hóa-học cận-đại (nhất là về hóa-học hữu-cơ) hầu hết là lịch-sử những điều phát-minh về hiện-tượng tiếp-xúc.

Còn về hiện tượng *kết cấu cao lượng* (polymérisation), nó là một diễn tiến đặc biệt của những chất hóa-học hữu-cơ, hai, ba hoặc nhiều phân-tử (molécule) của một chất đề vào những trường hợp đặc biệt có thể kết chặt lại với nhau hóa thành một phân-tử của một chất mới, lớn hơn, và cũng vì đấy có nhiều tính cách mới lạ. Hiện-tượng ấy bây giờ hình như là một tính cách chung cho tất cả các chất hữu-cơ, nhưng cần phải biết chất gì tiếp-súc tác-dụng để kích-thích cuộc biến hóa. Sau này tôi sẽ lược kể những tỉ-dụ hợp-kết dụng phép kết-cấu cao-lượng.

https://tieulun.hopto.org

Ngoài ba phương-pháp ấy, nhà hóa-học cũng còn dùng một vài kế đặc-biệt nữa, như dùng luồng điện, ánh sáng, hoặc chớp điện, nhiệt lượng, vân vân, để kích thích cuộc hợp-kết theo phương-kế ấy ít ảnh hưởng hơn, nhưng về lý-thuyết thì rất bổ-ích. vậy lúc nào bàn đến lý-thuyết tôi sẽ xin dẫn chứng.

▪

Bây giờ tôi sẽ xin kể qua vài tỉ-dụ hợp-kết mà ảnh-hưởng về mặt thực-tế rất là lớn lao,

Phương-pháp dụng sức ép cao-độ đã áp dụng rất thuần-mỹ trong vấn-đề cải-biến các chất than thành chất nước, nghĩa là thành một nhiên-liệu có nhiều tính-cách giống dầu mỏ. Đầu tiên, năm 1867, ông Berthelot đã phát minh ra kế dùng hy-drô dưới sức ép rất mạnh (100 kg mỗi phân vuông) để bắt hợp-kết với các-bon thành ra một chất nước giống dầu mỏ. Nhưng phương-pháp ấy mới thành thực-dụng từ năm 1927, nhờ một phái bác-học Đức, hoán-cải cuộc thí-nghiệm của ông Bergius năm 1912. Công cuộc rất mỹ-mãn, nhờ khéo léo về cách dụng sức ép, và nhất là nhờ có vài chất tiếp-xúc đạc-biệt có thể soay hướng các cuộc biến-hóa để thành thứ dầu đủ nhẹ, giống dầu xăng hơn dầu hỏa. Và năm 1939, nước Đức đã có thể dùng phương-pháp ấy, tự chế lấy gần quá nửa số dầu mỏ tiêu thụ trong nước.

Trong số dầu nhân-tạo ấy, phải kể gần một phần ba chế theo phương-pháp của ông *Fischer va Tropsch*, dụng một vài chất chuyển-hóa của Cô-ban làm tiếp-xúc tác-dụng, mà cho hy-drô hợp-kết với ôc-xyt Các-bon, do than đốt chế ra. Nghĩa là áp dụng cái hiện-tượng mà hai ông Satatier và Senderens đã khảo cứu kỹ-càng và giải-quyết gần hoàn hảo.

Hơn nữa, trong các thứ dầu mà hai ông Fischer và Tropsch chế ra theo phương-pháp trên này, có thứ dùng chế ra dược xà-phòng (gọi là xà-phòng than vì tựu-trung ở than mà chế ra), lại có thứ đem kết thêm hydrô vào, hóa ra chất dầu ăn, thay cho các thứ dầu chất ở các hạt ra.

Thành bây giờ có cả một kỹ-nghệ mới mở, và đầy tương-lai do hai ông Fischer và Tropsch đã gây dựng lên.

Phương-pháp kết-cấu cao-lượng thì đã áp-dụng một cách mỹ mãn trong kỹ-nghệ chế cao-su nhân-tạo. Ai cũng biết cao-su thông thường là do nhựa của một hạng cây phân-tiết ra, mà phải trồng đến 5 năm rồi mới lấy nhựa được. Do đó thị trường cao-su khó lòng mà điều-khiển được vì lúc thiếu cao-su thì không thể nào lấy đâu ra, đến lúc sản xuất nhiều quá, không tiêu thụ hết được thì cũng không biết cất vào đâu.

Vì lẽ ấy, các nước không sản xuất được, như nước Đức, mới nghĩ ra kế chế cao-su nhân tạo, dùng dầu than đi-mê-tin bu-ta-đien, do khí ê-tin (khí đốt đèn), hoặc do rượu khoai tây, mà chế ra. Hiện nay hóa-học đã tiến-bộ đến nỗi một mẫu trồng khoai tây có thể sản xuất được đủ rượu để chế 720 kg cao-su nhân-tạo gấp đôi số 360 kg cao-su do một mẫu trồng cây cao-su sản xuất !

Về giá cả thì cố nhiên đắt gấp đôi. Song le cao-su nhân-tạo được tốt hơn cao-su thiên nhiên vì tùy ý người chế muốn cho nó có tính-chất gì cũng được. Vả lại, trong số 60 marks mà người Đức bán một chiếc bánh xe chẳng hạn, thì giá cao-su chỉ dự vào có 4 marks nếu dùng cao-su thiên nhiên, và 8 marks nếu dùng cao-su nhân tạo. Vì thế cho nên kỹ-nghệ cao-su nhân tạo có lẽ sẽ là kỹ-nghệ nhiều tương-lai.

Đó là ba kỹ-nghệ hàng năm tiêu-thụ hàng trăm triệu đồng mà do tiến-bộ của Hóa-học đã gây nên trong vòng vài mươi năm nay. Nếu cũng so theo số tiền tiêu-thụ, ta còn có thể kể thêm các kỹ nghệ chế nước hoa nhân-tạo, hoặc chế phẩm nhuộm, chế dược-phẩm. Ba kỹ-nghệ rất quan-trọng trên thị-trường, rất phức-tạp trong công việc làm, mà cũng rất phong phú trong phương-pháp hóa-học, vì đều áp-dụng tất cả những cái hay cái mới của khoa Hóa-học tân-tiến.

N. N. KONTUM

Kỳ sau ; **Khoa-học và kỹ-thuật cuộc tiến-bộ của Hóa-học về đường lý-thuyết.**

DANH VĂN NGOẠI QUỐC

TA VỚI TỔ TIÊN TA

THEO nền nếp cũ hay là phá hủy nền nếp ấy để tiến hóa theo những luật lệ mới, hòng đạt tới những kết quả mới? Xưa nay phái người trọng nền nếp cũ và phái ưa tiến hóa quá khích vẫn xung đột nhau luôn luôn về tư tưởng. *Maurice Barrès*, thuộc về phái trên, có lúc đã khuyên người ta chớ nên hi vọng tiến bộ hơn được tổ tiên. Ông viết :

« Người chết nghĩ và nói bởi ta ; tất cả giòng con cháu liên tiếp chỉ là một người. Phải, con người ấy, dưới ảnh hưởng của đời sống xung quanh, có thể biểu dương nhiều phiền phức hơn trước, nhưng sự phiền phức ấy không làm phi cái tính chất của y. Ấy là một trật tự kiến trúc mà người ta làm cho hoàn mỹ hơn lên : bao giờ nó cũng vẫn là trật tự cũ. Thể như một ngôi nhà trong đó người ta thêm vào ít lối xếp đặt mới : không những cái nhà ấy vẫn đứng lên trên những nền móng xưa, nó còn giữ những viên đá xưa và bao giờ cũng vẫn là cái nhà xưa. Kẻ nào đã hiểu những chân lý chắc chắn đó sẽ bỏ cái cao vọng muốn cảm súc được hơn, dục vọng được hơn các bậc cha mẹ ; họ sẽ tự nhủ : « Ta chính là cha mẹ ta đó »

Cũng về vấn đề ấy, sau đây là ý kiến của Remy de Gourmont :

« Lẽ tất nhiên là ta không nên nhủ cho người ta cái bổn phận vô ý thức sui họ làm những việc trái với những cái gì ông cha họ đã làm ; nhưng nếu ta giảng dẫn cho họ hiểu rằng họ không sao làm hơn được tổ tiên, để họ phải chán nản, thì cũng không hay gì. Đời người còn có thú chi nếu sống chỉ để làm một kẻ bắt chước hẹp hòi ? Vẫn biết rằng nhiều người chẳng làm được điều gì hơn xưa, và họ bắt chước tổ tiên họ còn hơn là họ bắt chước người ngoại quốc. Cử chỉ của họ sẽ bớt vụng về. Nhưng thế không phải là bắt buộc ta phải cử chỉ như tổ tiên ta. Cần phải dành phần cho tinh thần khởi xướng của cá nhân, dù ở trong một đời sống kém hèn nhất.

Không nên để cho sự sùng bái dĩ vãng trở nên một nguyên tắc áp chế, trái ngược lại với những cái gì tự nhiên nhất và có ích nhất trong sự tiến hóa của cuộc sống.

Sự tôn thờ người chết có thật lành mạnh đối với các cá nhân và đối với các dân tộc không ? Có lẽ nó lành mạnh thực nếu nó làm tăng thêm nghị lực, nếu, như ở dân tộc La-Mã, tổ tiên được coi là những vị thần ta không sao có thể gắng tới đứng ngang hàng được, nhưng đức tính của những vị đó ta cần phải bắt chước. Trái lại, nếu sự tôn thờ ấy chỉ tạo nên tinh thần phục tòng, nhẫn nhục, nếu nó dẫn đến sự sợ hãi tất cả cái gì mới mẻ, thì nó có lẽ là một tôn giáo có hại. Nước Trung-Hoa, dưới ảnh hưởng của Khổng-Tử, đã bị đầu độc bởi người chết vậy. »

Remy de Gourmont
(Promenades littéraires)
DIỆU ANH dịch

https://tieulun.hopto.org

MẤY ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ THUẾ LỆ TRƯỚC BẠ

(Tiếp theo)

Giá thuế đã biết như thế, muốn tính thuế chỉ cần biết thêm rằng :

a) — Văn tự *bán*, thì theo giá tiền biên trong văn tự mà tính thuế.

b) — Văn tự *cho*, thì phải đánh giá những đồ vật cho ấy để đánh thuế.

c) — Văn tự *đổi*, thì tính thuế theo giá tiền bất-động-sản đắt tiền nhất. (Nhưng phải so sánh với cách tính thuế cho người Âu như đã nói ở trên) Xem thí dụ dưới đây.

d) — Văn tự *chia*, thì trừ nợ nần, phí tổn đi còn lại bao nhiêu mới tính thuế.

e) — Văn tự *cho thuê*, thì cộng số số tiền thuê tất cả là bao nhiêu mà tính thuế.

g) — Văn tự *lập hội* thì, trừ nợ nần còn góp vốn được bao nhiêu thì chịu thuế vào bấy nhiêu.

h) — Văn tự *giao kèo làm ăn công việc* với nhau, thì ước lượng công việc ra bao nhiêu mà tính thuế.

i) — Văn tự *gán nợ* thì tính thuế vào số tiền nợ muốn gán đi.

k) — Văn tự *vay, bầu chủ*, (bảo lĩnh) *biên lai*, và *các văn tự khác* thì trong lòng văn tự biên bao nhiêu tiền, phải tính thuế theo bấy nhiêu tiền.

Văn tự nào không nói giá tiền, thì lúc đem trước bạ, một bên có tên trong văn tự phải khai thêm vào cuối bức văn tự là bao nhiêu tiền, để tiện việc đánh thuế. Thí dụ văn tự bố mẹ chia gia sản cho con cái. Vì không phải văn tự mua bán nên thường không để giá tiền các của cải cho. Vậy lúc đem duyệt, phải đánh giá các của cải ấy ra mới tính được thuế bách phần.

Nhưng chớ tưởng nhầm rằng muốn khai bao nhiêu thì khai. Vì ai là chẳng muốn khai cho thật ít để được nhẹ thuế? Thật ra, trong những bức văn tự có ghi chép một sự trao đổi quyền sở hữu một bất động sản, giá tiền biên trong văn tự hay số tiền mà người trả thuế ước giá để tính thuế, đối với nhà nước chẳng qua chỉ là một biểu-thị tiện việc đánh thuế mà thôi ; nếu xét ra giá tiền ấy ít quá không tương đương với thời giá thì Nhà nước có thể đánh thuế thêm, còn phạt là đàng khác nữa nếu số tiền mình khai lậu đi, quá 1 8 số tiền mình khai trong văn tự : số tiền phạt ngang với số tiền thuế phải trả thêm, nhưng cũng có thể xin giảm đi được. Nếu nhà nước đòi thuế thêm mà mình không chịu trả, thì Nhà nước có thể xin toà án cử người đánh giá lại. Khi xét ra mình khai man thật, thì phải trả thuế thêm đã đành, lại còn phải phạt gấp hai số tiền thuế nữa, mà lần này không thể nào xin giảm phạt đi được.

■

Cách tính thuế trước bạ, xem như trên cũng hơi rầy rà đôi chút. Nhưng xem một thí dụ sau đây, sẽ thấy chẳng có khó gì.

Thí dụ một bức văn tự *đổi*.

Ông Giáp có một mẫu ruộng nhất đẳng điền, đổi cho ông Ất lấy năm sào ao thả cá đáng giá 400$, và một số tiền các là 600$00.

Trước hết ta hãy tính thuế theo giá thuế ấn định cho người Nam là bao nhiêu đã :

Phần đem đổi to nhất là mẫu ruộng giá :

400$00 + 600$00 = 1000$.00

ĐÃ CÓ BÁN :

THƠ HÀN MẶC TỬ

trong «TỦ SÁCH TRÍ THỨC»

— Những bài thơ hay nhất của nhà thi sĩ thiên tài mà cái chết đã làm sôi nổi dư luận thi giới và văn giới Việt-Nam.

— Đã có 5 cuộc diễn thuyết, 5 tờ báo Pháp văn, 17 tờ báo Quốc ngữ và 2 cuốn sách phê bình về thi văn và thân thế thi sĩ.

HỌA SĨ PHẠM TÚ MINH HỌA

Ấn loát rất mỹ thuật — Phụ bản in litho, 3 màu.

ĐÔNG PHƯƠNG XUẤT BẢN

227, Paul Blanchy. Saigon

ƯỚC BẠ CÁC VĂN TỰ CỦA NGƯỜI NAM

PHẠM GIA KÍNH

200$00 đầu chịu 2,50·*l.* = 5 $ 00
800$00 sau chịu 5·*l.* = 40 $ 00
Cộng . . . 45 $ 00

Bây giờ tính theo giá thuế ấn định cho người Âu xem được bao nhiêu :

Phần đem đổi bé nhất là cái ao thả cá phải chịu 5·*l.*

5·*l.* đánh vào 400$00 = 20 $ 00

Số tiền « các » 600$ phải chịu 10·*t.*

10·*l.* đánh vào 600$00 = 60 $ 00

Cộng . . . 80 $ 90

Như vậy, tính theo giá thuế ấn định cho người Âu không lợi, phải theo số thuế tính theo lối của người Nam : bức văn tự đổi này phải trả 45$00.

Trong thí dụ này, những số tiền đều tròn không có lẻ. Nếu gặp một số tiền lẻ, không chẵn chục, thì phải tính tròn cho *chẵn chục* mà đánh thuế, ví dụ : 5$00 phải tính là 10$00, 1365$00 phải tính là 1370$00, 638$43 phải tính là 640$00 mà đánh thuế.v.v...

Thuế bách phần trên mỗi bức văn tự *ít ra* cũng phải lấy 0$30, Ví dụ ông Bính mua một sào ao, giá tiền là 10$00. Tính thuế : 2,50·*l.* đánh vào 10$00, chỉ được có 0$25. Phải lấy tròn là 0$30. Số 0$30 là *số thuế tối-thiểu*, không được lấy kém.

■

Tiền thuế tính được bao nhiêu, người đem duyệt văn tự phải nộp ngay, và phải nộp làm một lúc mới có thể duyệt được. Trong hai bên có tên trong văn tự, phải liên đới mà trả Nhà Nước, nghĩa là bất cứ bên nào Nhà Nước cũng có thể bắt phải trả cả số tiền thuế không thể xin trả một nửa thôi được.

Nhưng đó là đối với Nhà Nước còn đối với nhau, thì phải theo luật thường định cho từng thuế văn tự. Thí dụ văn-tự mua bán : điều thứ 889 Dân luật Bắc Kỳ định rằng « các phí-tổn về việc mãi-mại cùng các khoản phụ thuộc, thì *do người mua phải chịu*, trừ ra khi hai bên đã định khác với nhau thì không kể ».

■

Cách tính thuế trước bạ cho các văn tự của người Nam thảy đều theo như những quy tắc kể rõ như trên. Không thể vì một cớ gì mà thay đổi, hoặc đánh thuế nặng lên, hoặc nhẹ đi, hoặc là miễn thuế, trừ ra có một đạo nghị-định riêng định như thế thì không kể.

Nhưng, như đã nói ở trên, trong sự giao dịch buôn bán, nếu các giấy má mua bán đem trước bạ mà cũng phải theo nhất luật những quy tắc ấy, thì thật là phiền nhiễu và cản trở cho việc thương mại, cho nên cần cho những giấy má ấy được hưởng một chế độ riêng về thuế trước-bạ. Nhưng không phải bất cứ giấy má gì về việc buôn bán cũng được hưởng chế độ riêng ấy. Phải có đủ những điều kiện đã định mới được. Điều kiện ấy những gì và chế độ thuế trước bạ riêng cho những giấy má về việc buôn bán, có gì là đặc biệt ? ta sẽ xét điều đó trong đoạn thứ hai sau này.

(còn nữa)

MUỐN NÂNG CAO CÔNG NGHỆ NƯỚC NHÀ NÊN DÙNG DẤM

PÉDOCA 6°

Chế theo phương pháp các nhà sản xuất **Desseau** và **Bordelaise**, đã được phòng thí-nghiệm công nhận Thơm và độ Chua không thay đổi

Có bán tại các hiệu thực phẩm như G. M. R. Poinsard Veyret .

Làm đại-lý, viết thơ về :

136 Armand Rousseau, Hanoi

https://tieulun.hopto.org

NHỮNG « HÌNH ẢNH » TRONG VĂN THƠ PHÁP VÀ VIỆT-NAM

Vũ Bội Liêu

(Tiếp theo)

B) Những cách tạo nên hình ảnh

I.— Hình ảnh nhiều khi là một bức tranh phác họa rất có tinh thần và linh-động

Có khi chỉ mươi chữ khéo dùng, một vài câu điêu luyện, là ta đã có một « hình ảnh » sán lạn, một bức tranh đầy đủ và vô cùng linh hoạt.

Un jour allait, je ne sais où,
Le héron au long bec emmanché d'un long cou...

Có phải ta như trông thấy trước mặt, chú cò mỏ dài đang vươn cổ lò dò đi trên bờ sông?

Tả cảnh chiều hôm trên đường thiên lý, cụ Ng. Du không dùng quá 14 chữ:

Long lanh đáy nước in trời,
Thành sây khói biếc non phơi bóng vàng.
— « Nao nao dòng nước uốn quanh »,

Ngọn tiểu khê của cụ Nguyễn Du làm tôi nhớ đến dòng suối của Lamartine trong bài « Le Vallon »:

Là deux ruisseaux. ... tracent en serpentant les contours du vallon: « ở nơi ấy, hai dòng nước..... chảy uốn quanh thung lũng ».

Nói đến Lamartine và Nguyễn Du, ta không thể quên rằng hai nhà đại văn hào ấy đã nhiều lúc gặp nhau. Tác giả « Les Méditations » có lần đã viết:

Un seul être vous manque et tout est dépeuple. (chỉ thiếu một người tri kỷ là đời hóa ra trống rỗng).

Câu ấy há chẳng cùng chung một ý với mấy câu này của cụ Nguyễn Du, « nhà thi sĩ bất diệt, nhà thi sĩ muôn đời của chúng ta » (Lưu Trọng Lư).

Vui là vui gượng kẻo mà,
Ai tri âm đó mặn mà với ai?

Dưới đây là ít « hình ảnh » lượm lấy được trong thi ca hiện đại:

— Sáng hôm nay sương biếc tỏa mờ mờ,
Như hương khói đượm đầu cau mái rạ.
Ánh hồng tía rắc hạt châu trong lá,
Trời trong sanh chân trời đỏ hây hây (Thế Lữ).
— Hôm qua đi hái mấy vần thơ,
Ở mãi vườn tiên gần Lạc hồ,
Cảnh tĩnh t ong hoa chim mách lẻo.
Gió đào mơn trớn liễu buông tơ (Thế Lữ)
— Mây đi vắng trời sanh buồn rộng rãi,
Sông im dòng, đọng nắng đứng không trôi.
Làn khói sám từ nóc nhà lặng lẽ
Vươn mình lên như tỉnh giấc mơ say. (Anh thơ
— Trời nặng mây mù mấy khóm cây
Đứng kia không biết tỉnh hay say
Đỗ bờ sông trắng con thuyền bé,
Cạnh lớp lau già gió lắt lay (Thế Lữ)
Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao,
Cây vàng rung nắng lá sôn sao;
Gió thơm phơ phất bay vô ý.
Đem đụng cành mai sát nhánh đào (Xuân Diệu)

II.— Có khi chỉ một, hay vài chữ tài tình cũng đủ tạo nên một hình ảnh mạnh mẽ, tươi đẹp hay ngộ nghĩnh

Cái bộ mặt hốc-hác như *kêu gào sự đói ấy* (cette face maigre qui *crie la faim* (Alphonse Daudet).
cf: Ăn no rồi lại nằm khèo, Thấy dục chống chèo *bế bụng* đi xem (Ca dao).

Những lối đi mỗi lúc thêm đầy đặc những bóng tối (Les chemin *se remplissent* d'ombre. (Homère
cf: Ánh sáng *tuôn đầy* những lối đi (Xuân Diệu)

— Chim hôm thoi-thót về rừng,
Đóa trà mi đã *ngậm giăng nửa vành* (Ng. Du)
— Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng *uống ánh trăng tan.* (Thế Lữ)
— Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá,
Đi trên đường và *đạp séo lòng tôi.* (Lan-sơn)

III: Nhưng phần nhiều « hình ảnh » do cách « tỉ tệ » hay cách « ám tỉ » mà ra

Ví dụ:

— Le ciel était rouge comme une nappe de sang. (Flaubert)
(Giời đỏ lòm như một tấm khăn bàn đẫm máu.

— Au banquet de la vie, à peine commencé, un instant seulement, mes lèvres ont pressé, la coupe en mes mains encore plaine. (A. Chénier).
(Vừa ngồi vào bữa tiệc đời, tôi mới được đặt lên môi có một lát, cốc rượu trên tay hãy còn đầy.
cf: *Các chén chua cay* đều rốc cạn. Trăm lần ôm nặng mối bi thương. (Thế Lữ)

— Les forêts *vibraient comme de grandes lyres.* (Victor Hugo)
Những khu rừng vang lên *như những cây đàn to.*

— *Comme une lampe d'or dans l'azure suspendue*, la lune se balance aux bords de l'horizon (Lamartine)
(Như một cây đèn bằng vàng cheo trên vừng trời sanh, mặt trăng rung-rinh ở tận đằng đầu chân trời).

— Sóng cồn cửa bể nhấp-nhô, *Chiếc thuyền bảo ảnh thấp-thoáng mặt ghềnh.* (Cung oán)

— *Cái quạt bùng sẫn trên* trời, Lờ mờ nhân ảnh như người đi đêm (id.)

— *Phận bèo bao quản nước* sa, Lênh-đênh đâu nữa cũng là lênh đênh. (Nguyễn Du)

Nhưng cách tuyệt diệu nhất để tạo nên « hình ảnh » là lối nhân cách hóa, sẽ nói riêng trong một bài sau.

Xem các tỉ dụ ở trên ta thấy hình ảnh trong văn chương quan hệ thế nào. Lối ấy đã giúp nhiều nhà văn viết nên những trang tuyệt bút.

Dưới đây xin trích vài đoạn trong bài: « Chơi giữa mùa trăng » của thi sĩ Hàn Mặc Tử. Tuy không dám theo ông Trần Thanh Mại mà bảo, « đó là một bài văn mới lạ, xưa nay trong văn giới của toàn thể hoàn cầu cũng chưa ai từng nghĩ đến nó, hay đến nỗi có thể đề ngang hàng với những bài hay nhất thế giới, cả Đông phương và Tây phương » nhưng ta cũng phải chịu là một áng văn có giá trị, một bài thơ bằng văn suôi tràn ngập những « hình ảnh » nên thơ và kỳ dị.

Chơi giữa mùa trăng

Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những đống vàng trôi trên mặt nước!

Vây chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu chưa đủ, Ngưu lang và Chức nữ, chúa của đêm Trung thu còn sai gió thu mang lại gần chúng tôi một thứ mùi gì ngào-ngạt như mùi băng-phiến, trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa. Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngờ là đi trong vũng chiêm bao, và say-sưa, và ngây-ngất vì ánh sáng, hai chị em đê mê không còn biết là mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khói sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng và thơ, và nước và thuyền, dâng lên, đồng dâng lên như khói.

Ở thượng tầng không khí, sông Ngân hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to lên: « Đã gần đến sông Ngân rồi! Chèo mau lên em! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn-giang! »

Đi trong thuyền, chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...

Trên kia, phải rồi, trên kia một vị tiên nữ đang kêu thuyền để quá giang...

Thình-lình vùng trời mộng của chúng tôi bớt vẻ sán lạn. Chị tôi liền chỉ tay về phía bến đò thôn Châu-Mo và bảo tôi rằng: « Thôi rồi! Trí ơi! con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát được, biết làm thế nào, hở Trí? » Tôi cười: « Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên đống cát với tay gỡ hộ cho trang thoát nạn » Hai chị em liền giấu thuyền trong bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lèn cát mà cứ ngỡ là bước lên trên phấn lụa.

Sao đêm nay kiều diễm như bức tranh linh động thế này? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống song một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng? Chị tôi làm thinh, mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng...Động là một thứ hòn non bằng cát, trắng quá — trắng hơn da thịt của người tiên, hơn lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh — một mầu trắng mà tôi cứ muốn lăn lộn diên cuồng, muốn kề môi hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát.

Hai chị em đồng giang tay níu áo gượng vào nhau dấn bước lên cao. . .

Ngợp quá, sáng quá, hứng trí làm sao? Bây giờ chúng tôi đương ở giữa mùa trăng; cả không gian đều chập chờn những mầu sắc phiếu diêu đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi lờ đi vì chói lọi:

Ở chỗ nào cũng có trang, có ánh sang, tưởng chừng như bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập trăng. lụt trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu khác,

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu.

Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá. . . Trời ơi! sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh sạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi lắc lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao: « Có phải chị không hử chị Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ: chị tôi là một nàng Ngọc Nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên: « A ha. chị Lễ ơi, chị là trăng, mà em đây cũng là trang nữa. Ngó lại, chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt. . .

(trích trong quyển Hàn-Mạc-Tử của Trần-Thanh-Mại)

https://tieulun.hopto.org

II

« Nhân cách hóa », một cách tạo nên hình ảnh

(La personnif cation)

« Hình ảnh » phần nhiều do lối « nhân - cách hóa » mà tạo ra. Dưới ngọn bút tài tình của nhà văn như nhờ có phép thần-thông, tất cả một thế-giới lạ lùng hiện lên, một thế-giới mơ-hồ huyền-ảo, đầy rẫy những hình ảnh tươi đẹp và kỳ-dị, trong đó không những động vật, mà cả đến các vật vô-tri vô-giác cũng đều biết nói năng, hành-động, có đủ tình-tình tư-tưởng như người :

Dưới đây là một đoạn trích dịch trong thiên-truyện ngắn « les Vieux » của A Daudet để làm tỉ-dụ :

. . . Tôi sè sẽ lại gần và nhìn vào buồng . . . một ông già đang ngủ trong chiếc ghế bành, mồm há hốc, hai tay để trên đầu gối. Dưới chân ông cụ một con bé mặc quần áo sanh... đang đọc truyện thánh Irénée trong một quyển sách lại còn to hơn nó. Câu truyện thần tiên ấy dường như đã hóa phép làm cho mọi người trong nhà ngủ say cả. Ông cụ ngủ trong ghế bành, đàn ruồi ngủ trên trần ; đằng kia, trên khung cửa sổ, chim hoàng-yến cũng ngủ trong lồng. Cả cái đồng-hồ to tướng treo trên tường cũng ngáy : tic-tắc, tic-tắc.

Suốt cả nhà còn thức, duy chỉ có một giải ánh sáng rọi thẳng tự các cửa sổ đóng kín, mà ở trong trông như có những tàn lửa sinh-hoạt, và hàng đàn vi-trùng đang nhảy múa... Trong khi mọi người đang yên giấc, con bé con vẫn đọc sách bằng một giọng trang nghiêm... Tôi bước vào : Thật là một sự biến phi-thường Con bé kêu lên một tiếng, quyển sách to rơi xuống đất, chim hoàng yến, đàn ruồi giật mình tỉnh giấc, chiếc đồng hồ choàng dậy vội vàng đánh chuông, ông già đứng phắt lên nhớn nhơ nhớn nhác...

1) Người ta « nhân cách hóa » các động vật

Chim, trong thế giới riêng của các nhà thi-sĩ, là những anh chàng bẻo-lẻo, bép-sép, luôn mồm cười nói huyên-thiên, tinh thóc-mách, và hay trêu cợt, nhạo báng người :

Mưa hè, nắng trải, *oanh ăn nói*.., (Dực Tôn).
—Ngoài song *thỏ-thẻ* oanh vàng (N Du)
—Lơ-thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh *học nói* trên cành mỉa-mai (N Du)
—Cảnh tỉnh trong hoa *chim mách-lẻo*
Gió đào mơn trớn liễu buông tơ (Thế Lữ)

Con chim hay nói quả thường làm dứt mạch tư-tưởng và phá tan giấc mộng của người ta. Trong bài thơ của Cái da Vận, nhà thi - sĩ đời Đường (xem T. N số 15) người thiếu-phụ Trung-hoa vì bị con chim hoàng oanh hót trên cành, làm tỉnh mất giấc mơ êm ái không sang được Liêu-Tê với người yêu, nên nổi giận sai người đánh đuổi nó đi. Trong một trường hợp tương tự, một nhà thơ Pháp cũng phải lên tiếng mắng con én lắm mồm :

La peste soit de toi, babillarde hirondelle !
... Dis ? quel démon te pousse à devancer l'aurore ?
Tu mènes, sans pitié des gens, ton bruit sonore.
Assez ! je te dévoue aux esprits scélérats,
Tu m'as trop tôt tiré de mon somme, ô pécore !
Je tenais le bonheur enfermé dans mon bras.

Ernest Raynaud

(Trời tru đất diệt mi, hỡi con én nỏ mồm kia ! Hãy nói cho ta biết ! Ma quỉ nào nó sui khiến mi trở dậy trước lúc bình minh ? Mi không biết thương gì ai cả. Mới bảnh mắt ra đã léo séo ầm lên. Cầm đi ! Giời đánh thánh vật mi ! Trong giấc mơ êm ái, ta còn đương ôm chặt hạnh phúc trong tay, cớ sao mi làm ta tỉnh giấc, hỡi đồ xuẩn ngốc kia ơi !)

A Daudet kể chuyện « con dê của ông Séguin » dứt đứt giây trốn lên trên núi, đã dùng lối « nhân cách hóa » để viết nên những câu rất dóm dỉnh :

Khi chị dê trắng lên tới đỉnh núi, thì mọi vật trên ấy đều vui xướng mừng rỡ vô cùng.... Những cây dẻ cúi rạp xuống tận đất, đưa đầu cành ra vuốt ve cô. Bên đường cô ả đi qua hoa kim-tước đua nhau nở và tỏa hết hương thơm.

... Vào độ trưa, cô Blanquette trong khi chạy tung tăng, lạc vào giữa một đàn sơn dương đương nhai ngau ngáu một cây nho dại. Cô ả mặc áo trắng ấy, được mọi người hoan nghênh hết sức. Họ dành cho cô chỗ tốt nhất trong cây nho, và tất cả các « cậu » đều « nịnh đầm » lắm. Người ta còn kể lại rằng một chàng sơn dương có bộ lông đen nhánh được cái diễm phúc cô ả lọt vào mắt sanh. Cô cậu dắt nhau vào trong ừng, và muốn biết cặp uyên ương ấy nói với nhau những gì, thì cứ hỏi những dòng suối bép sép chẩy róc rách trong đám rêu thì sẽ rõ ».

B) Người ta « nhân cách hóa » cả đến gió trăng, cây cỏ, cùng các vật vô tri vô giác.

Cây cối, hoa cỏ, mây nước, trăng gió, các vật vô tri vô giác đều được thi sĩ đem ra « nhân cách hóa ». Những vô sinh vật trở nên

https://tieulun.hopto.org

có linh hồn, có tư tưởng, và biết hành động như người.

Bài « l'enlisement » đoạn văn có tiếng của V. Hugo trong tiểu thuyết « Les Misérables » cho ta mục kích cuộc chiến đấu của một người bị sa lầy với « cát ». « Cát » dưới ngọn bút nhà thi sĩ, đã hóa ra một kẻ hung bạo độc ác vô cùng, cứ níu chặt lấy hai chân khách bộ hành kéo vào cõi chết. Kẻ mắc nạn sợ hãi kêu la « cát » lại càng lên cao « cát » đã lên đến quá đầu gối. Hắn ta vùng vẫy kêu cầu cứu; « cát » dường như muốn phạt kẻ kia về tội dám chống cự, lại càng kéo mạnh xuống cái huyệt sâu. Hắn ta thử ngồi xuống, nằm dài ra, hay bò đi, nhưng càng cựa cậy, « cát » lại càng lên cao; Đứng thẳng dậy, thì lại thụt xuống một lần nữa. Anh ta kêu khóc: « Cát » đã lên đến bụng; « cát » đã ngập đến ngực, chỉ còn có nửa người. Tay giơ lên trời, miệng kêu thét bấm móng tay để bíu chặt xuống đất, khóc nức nở; « cát » lại càng lên. « Cát » đã lên đến vai, « cát » đã lên đến cổ. Bây giờ chỉ còn thờ ra có cái mặt. Miệng còn cố kêu, « cát » bịt ngay lập tức: câm. Mắt còn cố nhìn, « cát » phủ kín ngay: mù. Rồi sau, chán ngập dần xuống, chỉ còn vài sợi tóc phất phơ trên bãi cát; một bàn tay thò lên, chọc thủng mặt cát, động đậy vùng vẫy một lúc, rồi biến mất ». Cuộc chiến đấu đến đây là rứt. « Cát » đã ca khúc khải hoàn.

— Victor Hugo trong một bài thơ đã nói đến « những cái xe to nhởn *rền-rĩ* trở về lúc hoàng hôn » (les grands chars *gémissants* qui reviennent le soir). Vua Lê thánh Tôn tả cái cối sầy cũng viết:

Tiếng nói ầm ầm như sấm động,
Miệng cười răng rắc tựa tên bay.

Dưới ngọn bút các nhà thi sĩ, hoa biết nói, biết cười.

Nhị hoa chưa *mỉm miệng cười* (C. Oán).
— Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái *còn cười* gió đông (N. Du)

Gió lặng thổi, mây ngừng trôi, sóng im tiếng vỗ để lắng tai nghe nhời nói của nữ nhân hay « tiếng trúc tuyệt vời » thổn thức với lòng thổn thức của người thiếu nữ:

Le flot *fut attentif*, et la voix qui m'est chère
Lui sa tomber ces mots: Lamartine.

(Sóng *im vỗ như lắng tai nghe*, khi nàng cất tiếng nói).

— Mây hồng *dừng lại sau đèo*,
Mình cây *nắng nhuộm bóng chiều không di*
(Thế Lữ)

Đến cả tảng đá, mặt nước cũng có đủ tình cảm như người:

Đá vẫn *thì gan* cùng tuế nguyệt,
Nước còn *cau mặt* với tang thương (bà huyện Thanh-Quan)

— Mặt hồ nước phẳng *nghiêm như giận* (Thế Lữ)
— Cơn gió đìu hiu lướt mặt hồ,
Thổi rơi xuống nước chiếc hoa khô;
Giật mình, làn nước cau mày giận

Tan cả vừng trăng tỏa lững lờ (Đỗ huy Nhiệm)

Mặt giời theo tác giả « thơ thơ » là một ông già sợ lạnh: Bữa nay lạnh, *mặt trời đi ngủ sớm* » (cf: Alphonse Daudet: Les étoiles pétillent de froid: các vì sao *run rẩy lồng lánh* lên vì rét). Thế mà ông già ấy lại mới cưới một cô hầu non:

Mặt trời vừa mới *cưới trời xanh*,
Duyên đẹp hôm nay sẽ tốt lành...

Mặt trời lặn trên mặt hồ trong thơ Le coule de Lish lại là « cái thây chết đuối sắm ngắt đang yên giấc nghìn thu trong bể cả » (Livide et s'endormant de l'éternel sommeil, dans la divine mer s'est noyé le soleil). Cùng chung số phận với con « quạ lửa » mây cũng « chết đuối ở dòng sông vắng lặng. Trôi thây về xa tận cõi vô biên » (Hàn Mạc Tử).

Gió trong thế giới các nhà thi sĩ là một thiếu niên trơ tráo, thường lẳng lơ bỡn ghẹo các thiếu nữ xinh tươi.

Tóc em *gió lẳng lơ chòng*,
Nắng vàng rỡn cặp má hồng hồng tươi (Thế-lữ)
-- Em thấy lòng chan chứa cảm hoài
Lẳng lơ gió lạ nhẹ bên tai (id)

Có lần anh chàng liều lĩnh dám lẻn vào tận màn the người thiếu phụ xa chồng (Xuân phong bất tương thức, hà sự nhập la vi: Lý thái Bạch), táo bạo thật chẳng kém gì « tiếng khánh Chùa » của nữ thi sĩ Vân Đài:

Lại thêm tiếng khánh chùa xa vẳng
Quen đến buồng tôi lúc nửa đêm

Chàng gió một lần khác đã có gan đặt môi lên má một thiếu phụ:

Vô tình để gió *hôn lên má*
Bẽ bàng làm sao lúc nửa đêm.
Em sợ lang quân em biết được
Nghi ngờ đến cái tiết trinh em (Hàn Mạc Tử)
Trăng và hoa là người tình của gió:
Cành xuân hoa chúm chím chào
Gió đông thôi đã *gợi đào gọi mai* (C. Oán)
— Trăng nằm soài soài trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi (Hàn Mạc Tử)

(còn nữa)

Cải chính

Trong bài: « Đọc sách mới » số 16 Août, *bà Quả*, xin đọc là: *bà Quy*.

https://tieulun.hopto.org

Nhát dao

TRUYỆN DỊCH

LÊ HUY VÂN

(Tiếp theo)

TƯỞNG cả quyết rằng mấy tháng nay Trinh tiến bộ lạ lùng; nang yeu nghệ của nàng hơn hết.

Mai không bảo không:

— Hỏi nó còn từ việc gì không làm để mong nghệ thuật ngày một khá hơn? Đã mấy mươi nam nay rồi nó lợi dung anh...

— Tôi tưởng chửa giúp được nàng cái gì cả...

— Âu!

Mai dun vai, Tường nằm dich ra xa tìm cai mát mẻ tren gối, không ngắt lời vợ nữa vì Mai bỗng nói rat nhiều. Há không phải nhờ Tường mà Trinh được bầy tranh vẽ ở Salon des Tuileries? Còn lan bầy tranh ở Dionet thì nàng nhờ ai? Còn những quyển sách thật đẹp mà được người ta nhờ vẽ hộ? còn những bức phông vẽ cho vũ nữ người Nga?

— No có bao giờ bán được một bức tranh mà khong phải nhờ đến anh? Nó mà đủ tiền sống là nhơ anh, anh vẫn biết thế cơ mà.

Mai nói thật to như không phải là đêm đã khuya rồi. Tiếng nàng nói làm cho nàng không nghe thấy bên cạnh có tiếng thổn thức. Cho đến lúc Tường rền rĩ ngắt nhoi vợ

Thôi Mai đừng nói nữa; mợ làm tôi đau khổ

Nàng hiểu rằng nàng đang ấn mạnh vào một vết thương, lo lắng Mai nâng đầu chồng ép khuôn mặt ướt nước mắt, cay đắng của chồng vào ngực vào môi mình.

— Em nói sai, anh ạ; em để cho một tinh tình hèn hạ sai khiến... Hình như dễ ở đời không còn ai có thể yêu được anh!

— Không: mợ nói đúng; Trinh được nên sự nghiệp ngày nay là nhờ tôi nhiều lắm: Nàng không thú nhận như thế, đã đành! Nàng tin rằng nàng yêu tôi. Thường có những người yêu ai là vì lợi. Nhưng Trinh thì Trinh thực thà! Không thể tưởng tượng trong ái-tình mà lẫn nhiều ý-chí đến thế.

Không thể tưởng-tượng được đã yêu mà lại còn muốn được. Nhưng đó chỉ là một thứ yêu mà thôi (vì thứ ái-tình đương ám-ảnh tôi, bây giờ nó nhuần thấn người tôi như gió lùa vào cành cây chi chít, chỉ còn việc chịu để nó ăn sâu vào, để nó vặn-vẹo, chỉ còn việc rên-rỉ). Còn Trinh thì thật nàng muốn yêu tôi: trong khi dàn xếp cuộc đời của nàng, lòng yêu tôi dự một phần quan-trọng. Tôi thường bảo Trinh rằng giúp được nàng là tôi vui thích rồi... Thật là dối trá! Vì tôi giúp nàng nên tôi không thể tin rằng Trinh lại yêu tôi được.

Mai lại ôm lấy chồng sát vào mình mà nhắc lại:

— Em vẫn biết rằng vẫn có người có thể yêu quý anh được.

— Mai ạ, đối với Mai thì chả kể vào đâu.

Mai ôm nói chồng ra rồi vì nàng lầm-bầm «Câu anh nói mới tệ làm sao....» chàng muốn cho vợ hiểu rõ câu nói của mình: hai vợ chồng quấn-quit nhau qua, thân mến nhau quá đến nỗi những lề-lối thường của ái-tình không có hiệu quả chi đối vơi hai người nữa.

— Mợ với tôi, chúng ta đứng ở một từng thượng trên mọi người thường

Trinh rên-rỉ:

— Anh khéo nói thế! Sao anh khéo nói thế!

Chàng thở dài bảo Mai rằng chàng không đủ sức để giảng cho Mai hiểu nữa...

— Vả lại bây giờ nhiều việc chúng ta đều không thiết đến nữa, vì đôi ta cùng nhau khổ vì ái-tình; dù chúng ta có muốn đổi khác cũng chẳng được nào.

Hai người cùng yên lặng trong chốc lát; chàng vẫn nằm dài; nàng tì một khuỷu tay lên gối, lấy khăn mùi-soa lau trán, lau má đầy mồ-hôi cho chồng. Mai thấy không làm cho chồng đỡ đau khổ chút nào nên tự mình càng thấy khổ, mãi cho đến lúc nàng tưởng tìm được câu nói hợp tình-cảnh:

— Cứ xem thế này thì biết nó yêu anh là vì ngay từ lúc đầu em đã ghen với nó rồi; mà lòng ghen chả là một linh tính báo cho biết trước một cách chắc chắn đó ư: anh chưa biết mà em đã biết rằng nó yêu anh rồi. Bao nhiêu lần, em ngăn anh đừng giữ nó lại ăn cơm trưa hay đừng tiễn nó ra bến tầu điện ngầm những hôm trời tối!

— Thế ra Mai cũng đau khổ vì tôi à?

Chàng nhắc lại câu: «Mai cũng đau khổ», Trong lòng thấy thinh-thích. Rồi:

— Còn Trinh thì nàng không đau khổ tí nào. Tôi chưa được cái hạnh-phúc, thấy nàng vì tôi mà khổ. Có thấy người ta khóc thì mình mới chắng-chắc, yên lòng

— Lúc nó khóc thì anh đã để ý đến nó đâu mà nhìn thấy nước mắt. Bây giờ thì còn việc gì mà nó khóc nữa! Anh yêu nó: thế là hạnh-phúc của nó, nó nắm chắc rồi, nó được cái sung sướng ấy...

Nhưng này, anh Trường ơi, anh giả nhời em câu này mà đừng nói dối nhé: anh đã biết chuyện gì

https://tieulun.hopto.org

nói cho em, em cũng nghe được tuốt. Vậy trong đời anh đã có lúc nào anh yêu em; yêu em bằng cái tình yêu nó đương dầy vò anh bây giờ? Có lúc nào em làm anh phải khổ sở không? Đã đành không phải bây giờ nhưng vào hồi chúng ta mới quen nhau kia...

Tường vuốt ve trán và tóc vợ. Biết rằng Mai hoàn-toàn là của mình thì còn việc gì mà đau khổ?

— Vả lại có bao giờ mợ xa tôi đâu? Nhưng bây giờ, nhất là vào tuổi tôi, mà còn phải xa cách người mình yêu quý nhất mực thì khổ biết chừng nào! Mỗi phút phải xa người mình yêu, đau đơn như lỡ một cuộc đời.

Mai nghẹn ngào:

— Nếu chỉ có mình em thì em sẽ đi khuất mắt anh, anh Tường ạ; nhưng còn các con...

Tường hết sức thành thực biện bạch, chàng không thể tưởng tượng được cuộc đời của mình không có Mai và các con: đó chẳng phải là một chứng cớ rõ rệt rằng mình yêu Mai đó du? Cảm kích, Mai ôm chồng hôn; những câu chồng nói có lẽ còn làm nàng vui lòng hơn nếu ngay lúc đó nàng không nhớ đến những hồi nàng đưa con đi dưỡng sức ở La Bourboule, còn mình Tường ở lại Ba-lê, chàng vui thích ngần nào, mỗi năm, lúc Tường đi Vichy, thì chàng vui sướng khôn xiết; phải xa chồng, Mai thấy buồn từ mấy tuần lễ trước, còn Tường được xa vợ thấy dễ chịu, vui sướng. Không, không: chàng không cần đến nàng, «Thì ra Tường dùng mình để biết thêm rằng tĩnh-mịch là sung sướng.»

Không một ánh trắng báo hiệu rạng đông, chỉ có tiếng sáo hót vô hồi tiếng hót còn ngái ngủ. Đã một lúc lâu, Mai không nghe chồng nói, giờ lại lắng tai. Chà! Tường vẫn nói đến con kia, nói rất nhiều.

— Có phải mợ bảo không thể ngờ được lòng Trinh yêu tôi không? Làm thế nào mà tả được cái ý nghĩ đương dầy-vò tôi. Không phải nàng yêu tôi; bốn mươi chín tuổi đầu tôi đã thành một người khác, ấy chính Trinh yêu người khác đó: người đó là một họa sĩ đứng đầu một học phái, bao nhiêu người kính phục, ai ai cũng nhắc đến tài, đến từng nhời nói... Làm một bực danh-giá trở nên một người danh-giá, bây giờ tôi mới hiểu thế nào là một người danh-giá; một người danh-giá: chỉ là một người khác không phải là mình. Ấy chính cái người danh-giá không phải là tôi đó được Trinh thờ mến. Bây giờ tôi ghét nghề tôi quá, như tôi ghét những cái năm, tháng đã bôi lên người tôi cái lượt dầy, cứng mà người đời gọi là danh-vọng. Những người mà lúc chết ta tạc tượng, ta biết đâu rằng cả đời họ, họ phải chịu cái khổ làm tượng sống; nằm trong cái vỏ bản thân của họ chết dần vì ngạt cũng có, vì lẻ-loi hiu-quạnh cũng có. Chà! Tôi biết rõ lắm! Hôm qua tôi nhận được một cái thư rất âu yếm Trinh...

— Nó viết thư cho anh à?

— Phải, những bận không gặp nhau, nàng bảo rằng dù tôi còn trẻ-trung, vô danh chăng nữa, nàng tất cũng đã yêu cái tài chưa sâu trong người tôi. Nàng thêm rằng: ý nghĩ sâu sắc làm sao! — Nếu thuở trẻ mà tôi được nàng yêu thì tôi có thể ngờ rằng được yêu là vì đương thời niên thiếu, là vì cái duyên của hình thể, chẳng bận nào nàng viết cho tôi: «Chỉ vào tuổi anh — tôi nhằm vào tuổi ông — và tuổi ông thì người nào yêu mình mới thật vì mình mà yêu.»

— Ờ, thế thì anh còn muốn gì nữa?

— Mợ phải hiểu cho tôi: tôi không thích nàng kính phục tôi.

Tư-tưởng của Mai bỗng-lòng lạc đi đâu. Trong phòng nóng nực quá. Nàng nhích xa cái thân thể nóng bừng nghiêng mình về phía cửa sổ để ôn lại cho kỳ chan câu viết trong thư Trinh: «chỉ vào tuổi anh, người nào yêu mình mới thật vì mình mà yêu». Mai giữ lại một câu hỏi mà nàng thấy cần phải hỏi; thôi không thể giữ được nữa:

— Anh Tường, anh không ngủ à?

— Ngủ ư? tôi cũng chẳng hiểu nữa.

— Anh ạ, anh xem đấy thì biết em đương nghe anh nói như một người bạn gái thân. Dù thế nào em cũng bằng lòng, cốt sao không mất lòng anh tin cẩn là đủ. Anh đã hứa rằng không nói dối thì anh bảo thật anh ăn nằm với nó chưa? Rồi phải không? Em thề rằng em không quan tâm đến điều đó..

Quỳ lên, Mai cui nhìn chồng, cố đọc sự bí mật trên nét mặt chàng; nhưng cung chỉ hơi nhận rõ bộ mặt chết của Tường trong bóng tối.

— Nếu có thật, mợ ạ, thì tôi đã thụ với mợ rồi. không, chưa. Mai thở dài, lẩm bẩm: «. . . . . ! nó muốn giữ giá làm cao chư gì..» Có lẽ một tinh tự kiêu tầm thường nhất sui Tường giả nhời rằng: «Nếu chàng muốn thì xong đã lâu rồi.»

Chàng gập một cánh tay lại che lấy mắt; Mai chú ý nên đã nhìn thấy sự đau đớn nhô lên mặt sác thịt của chồng như nước sôi dâng lên.

— Không, nàng không từ chối: dấu mợ làm gì? Hai người đã đến lúc suồng-sã rất mực; . . . . . nhưng vào những lúc đó, một câu nói của nàng tuy rất êm-ái, mà làm tôi chán nản, xô đẩy vào thất vọng. Nàng bảo: «Em có cho anh thêm được chut hạnh-phuc nào chăng?» Mợ có hiểu không? Nàng bằng lòng hiến thân nàng để cho tôi sung sướng; nhưng không có một lời nói nào tỏ ra rằng, vì tôi, mà nàng thêm được một cái gì... Sao mợ lại cười?

— Em cười vì thường ngày anh vẫn nói với em câu đó: «Tôi có làm mợ sung sướng không?»

Chàng biện-bạch, cho rằng như thế không phải

https://tieulun.hopto.org

nàng không sung sướng; ở mồm Trinh nói ra, thì câu nói lại có một nghĩa khác. Chàng yên lặng, khó chịu, nghĩ thầm: «Cái gì Mai cũng quy vào mình cả».

II

Ánh sáng ban mai làm rõ hình đồ đạc; bên ngoài vườn, chiếc tầu điện đầu tiên làm inh-ỏi phố vắng. Hai thân-thể bây giờ nằm rời nhau ra: «Em có làm cho anh sung sướng chăng: » Câu hỏi đó ám-ảnh Mai; trí nàng xưa nay vốn không tưởng-tượng đến sự tục-tằn bỉ ổi mà ngày nay đẻ ra những quái-vật cố sua mà cũng không đi. Nàng yên lặng, nín thở, nuốt lệ. Còn chàng thì quay mặt vào tường giả vờ ngủ như lúc chập tối, không động-đậy nữa. Nằm trốn xa nhau, cả hai cùng lấy sức, mãi cho đến khi Tường nhổm dậy nhìn cửa sổ trắng dần mà thở dài: «Lại một ngày nữa! lại phải sống một ngày nữa!» Tiếng kêu chán-nản, thất vọng đến nỗi Mai lại buồn một cánh tay dưới vai chồng, dù rằng: nàng cả quyết rằng không thể vì cớ gì mà lại đau khổ đến nhường ấy; chính chàng cũng không chối rằng mình được yêu một cách âu yếm...

— Phải, phải, chính thế: một cách âu yếm. Âu yếm chỉ là một tên riêng của thương sót. Mợ không thể nào biết được...

— Tôi không thể biết được à?

Chàng không nghe thấy vợ cười.

— Mợ cũng biết không phải vô cớ mà tôi thất vọng. Ngay chiều hôm qua trước lúc ăn cơm, nàng còn đến sưởng vẽ của tôi thơ-thẩn nhìn hết bức họa này đến bức họa khac, không để ý đến lời tôi nói; giữa tôi với nàng bỗng có một bãi xa-mạc ngăn đôi. Thường tôi vẫn thấy nàng chán-nản công việc, chán cả đời, phó mặc mọi việc, hai mắt đầy hư không. Nhưng chưa bao giờ tôi lại thấy nàng hờ hững đến thế. Tôi không dám hỏi xem nàng bồi-hồi vì đâu, tôi than thở chưa giúp nàng được việc gì thì bỗng dưng nàng bảo tôi: «Được gần anh để đau khổ là đủ cho em rồi». Tôi run sợ không dám gợi thêm một câu nói nữa, biết trước rằng câu nói đó sẽ xô tôi xuống vực thẳm; rồi bỗng chốc thấy tiếng nàng: «Còn có nghề vẽ; nhưng một người nào chiếm đoạt cả tâm hồn có thể phá tan cái sở thích ấy của em». Thường thường tôi bị đòn rồi mãi mới thấy đau. Ngọn đòn vừa tới, chưa kịp thấy đau, tôi bèn lợi dụng lúc ấy van vỉ nàng cho tôi cái vui được nghe những lời tâm sự của nàng. Có lẽ mặt tôi xanh tái nên nàng đâm nghi vì tôi thấy nàng trấn tĩnh lại rồi quả quyết toàn những chuyện không đâu cả, muôn tội đều do trí tưởng tượng ốm yếu của nàng. Tôi cố nài: « Trinh ơi. em đừng tưởng anh có cái cuồng-vọng chiếm đoạt lòng em đâu». Tuy miệng nói thế mà tôi cảm thấy rõ ràng tôi muốn được như thế. Nàng hình như ngần-ngừ: «Một ngày kia em sẽ nói với anh... Nhưng tối nay thì không. Vả chẳng có gì đáng nói đâu. Anh phải biết em nào có buồn rầu rĩ! Em chỉ hơi buồn thôi.»

Tôi đưa nàng ra đến chỗ xe ô-tô đỗ trong đám đông ngày chủ nhật. Nàng ngạc nhiên thấy tôi không lên ngồi cùng với nàng theo thói thường. Nàng ngồi yên vào một góc không vẫy tay gì cả... mợ tất ngạc nhiên; tuy bấy giờ tôi đau đớn thế này mà thật ra tôi có ghen đâu; ghen với tôi như chiếc bánh còn để trên bàn chưa cắn đến. Có lẽ mợ cho tôi là kỳ quặc vì lòng mợ yên lặng như tờ! Phải công nhận cho mợ rằng mợ không biết ghen.

Nàng lại cười, quả quyết rằng tuy không ghen nhưng nàng cũng có thể tưởng-tượng được ghen là thế nào.

— Dù đau khổ đến ngần nào, Mai ạ, tôi chưa đến nỗi vì cái người lạ được Trinh yêu kia mà đau lòng. Lòng tôi mà ghen thì còn phải suy nghĩ chán; ngọn đèn còn mới quá, trí tôi còn đang bối rối; hôm nay đã nguôi nguôi tôi mới thong thả rèn lấy cái khi giới để tự rạch nát lấy tôi.

«Đến mãi hôm qua, tôi vẫn còn tìm trong dĩ vãng của Trinh, ví dụ cái chàng trẻ tuổi hôm nọ bảo tôi rằng đã khiêu vũ với nàng ở Pontillac lúc nàng mới có mười tám; hắn khoe nước da của Trinh ngày đó, nước da đó « từ ngày nàng đánh phấn đã hỏng hết rồi» — Tuy nàng còn trẻ măng nhưng cái cô thiếu nữ nguyên vẹn ngày xưa còn gì? Trước khi đến với tôi, nàng đã trải qua bao nhiêu cuộc đời. Tình yêu của nàng như ánh sáng chiếu từ một ngôi sao đã chết rồi xuống đến tôi. Nhưng bây giờ, thì thật toàn chuyện xưa kia cả! Cái biển sầu muộn trước mặt tôi mới mông-mênh làm sao! Ngủ yên... Làm thế nào mà có thể ngủ yên đi...

— Thôi, anh ơi, cần kíp: chúng ta đi đi thôi; phải đi anh ạ. Mặc Cúc trông các con: em sẽ nói với me em mỗi hôm đến thăm các cháu một lần

Chàng lắc đầu, nhắc lại: «Không thể được! không thể được!»

— Nhưng thế nào chỉ tháng nữa anh cũng phải đi xa kia mà; biệt thự ở Cap Brem đã thuê rồi; ra đấy anh mới vẽ được. Em thì đã dành rằng không đáng kể; nhưng còn công việc của anh

— Một tháng nữa thì có lẽ tôi đã khỏi rồi.

— Mai anh nên đi đi rồi anh sẽ khỏi.

— Có lẽ tôi có thể trốn đi từ trước kia rồi, nhưng bây giờ thì chậm quá.

— Thế còn việc vẽ của anh!

Nàng hai tay ôm lấy đầu chồng, nhìn vào tận mắt.

(Còn nữa)

LÊ HUY VÂN

https://tieulun.hopto.org

VIỆC QUỐC TẾ

EO BỂ DARDANELLES VÀ ĐỊA-VỊ TRUNG LẬP CỦA THỔ-NHĨ-KỲ

Quân Đức đã leo tới đỉnh núi Caucase — Thành Stalingrad bị nguy khốn — Anh đổ bộ ở Dieppe — Xứ Brésil khai chiến với Đức.

Eo bể Dardanelles *(Tiếp theo)*

Sau cuộc Âu chiến, cùng bại trận với Đức, Thổ phải nhận ký với Anh, Pháp, Ý, Nhật-bản, Hi-lạp, Nam-tư-lạp-phu hợp ước Sèvres (1920) và hợp ước Lausanne (1923) tuyên bố sự tự do giao thông qua Eo bể trong thời bình cũng như trong thời chiến tranh cho tất cả tầu bè, thương thuyền cũng như chiến hạm, và cả phi-đĩnh của bất cứ nước nào. *Eo bể đã hoàn toàn thuộc quyền quốc-tế*, và Anh-quốc đã hoàn toàn thắng thế. Nga không được hưởng lợi gì, vì đã ra ngoài cuộc Âu-chiến từ năm 1917.

Eo biển bị mất tính chất quân bị; các cơ quan phòng thủ đều phá đi hết,

Đề phòng việc sâm phạm có thể sảy ra, Hội Vạn-Quốc giao phó việc gìn giữ con đường đó cho 4 cường quốc là Anh, Pháp, Ý và Nhật.

Nhưng đến năm 1936, tình hình quốc-tế bắt đầu gay go. Miền Rhénanie vừa phòng thủ lại; ở Đức, ở Áo, việc đầu quân lại thành bó buộc : Địa-trung-hải thành một chiến trường về cuộc binh lửa giữa Ý và Ethiopie.

Thổ vin vào những lẽ ấy mà yêu cầu hội Vạn-Quốc thay đổi lại chế độ cũ : Điều khoản phải bỏ hết công cuộc phòng thủ trên bờ Eo bể, Thổ phải nhận trong hồi 1923 vì lúc đó tình hình quốc tế có vẻ yên tĩnh. Nhưng nay không khí đã bắt đầu nặng nề ở ngay xung quanh mình mà sự đảm bảo. của hội Vạn-Quốc đã đặt ra xem chừng mong manh lắm Thổ bèn tỏ nỗi quan ngại với những nước đã ký hiệp ước Lausanne.

Nga thừa dịp bảo vệ lời yêu cầu của Thổ để lôi một vài điều lợi cho mình. (Điều mong mỏi nhất của Nga là các nước giao trả lại cho Thổ toàn quyền trên Eo biển, để Nga kết thân với Thổ mà hưởng sự biệt đãi).

Sau nhiều cuộc thảo luận, một hiệp ước đã ký ngày 20 Juillet 1936, giữa Thổ với các nước có tên trong hiệp ước Lausanne: đó là *hiệp ước Montreux, còn thi hành tới bây giờ.*

Nước Thổ được phép đặt các cơ quan phòng thủ ở hai bên bờ eo biển Dardanelles và Bosphore.

Việc đi lại qua Eo biển định như sau :

— Những tầu buôn được hoàn toàn tự do đi lại trong thời bình cũng như trong thời chiến tranh, bất phân là của nước nào và chở thứ hàng gì.

— Những tầu chiến cũng được tự do đi lại, nhưng khi có chiến tranh thì Eo bể chỉ mở cho tầu chiến của những nước không dự chiến, nước Thổ đứng trung lập.

Những tầu chiến được đi qua chỉ được nặng 5000 tấn. Riêng nước Nga được đưa qua một chiến hạm nặng 25000 tấn kèm theo 2 khu trục hạm.

Không được qua lại những tầu ngầm và hàng không mẫu hạm của những nước không phải ở trên bờ biển Hắc-hải.

— Eo bể sẽ đóng cửa trước tầu chiến của những nước dự chiến. Nước Thổ cũng có quyền đóng eo biển khi bị uy hiếp đến nỗi có thể lâm vào nạn chiến tranh.

Nói tóm lại, theo hiệp ước Montreux, eo bể Dardanelles giữ địa vị trung lập và Thổ có quyền (và những phương tiện) bảo vệ sự trung lập đó.

Trong một dạo, Đức và Đồng-minh đã tìm hết cách lôi kéo Thổ vào phe mình để được mang chiến hạm, qua Eo bể vào Bắc hải, một đằng (Đức) muốn đổ bộ ở Kertch và chiếm miền dầu hỏa Caucase, một đằng (Đồng-minh muốn tiếp tế cho Nga ở miền Ukraine. Ta đã biết rằng Thổ vẫn một mực giữ thái độ trung lập.

Song, cuộc đại thắng của Đức ở Ai-Cập và ở Caucase, — cuộc đại thắng nếu không có gì ngăn nổi hoặc ở dưới hoặc ở trên nó sẽ đưa hai đạo quân của Von Bock và Von Rommel gặp nhau ở Cận-Đông, — đã đặt Thổ trong một tình thế nghiêm trọng là có thể bị kẹp vào giữa hai gọng kìm, mà muốn thoát ra tất nhiên Thổ phải vào

https://tieulun.hopto.org

he với Đức. Lúc đó Đức sẽ làm bá chủ cả Địa-trung-hải lẫn Hắc-hải và tình thế Nga cùng các miền Cận Đông, Trung-đông, Irak, Iran, lại càng nguy kịch thêm.

Hiện nay Thổ còn ngóng trông kết quả sự kháng chiến của quân đội Anh ở miền trung châu sông Nil để định rõ thái độ của mình.

Miền Caucase.

Chiến tranh hiện đang khốc liệt ở miền Caucase. Một chút địa dư về miền đó không phải là vô ích.

Miền Caucase ở về miền nam nước Nga, giáp giới với lục-địa Á-Châu, ở khoảng giữa Hắc-hải và bể Caspienne.

Một dãy núi (núi Caucase) chạy từ bán đảo Taman đến bán đảo Apchéron như con đường sương sống cao 4, 5 nghìn thước, (Ngọn cao nhất là ngọn Elbourz cao 5.612 thước) dài 1100 cây số, có chừng 1500 giòng băng, những ngọn núi cao tuyết phủ quanh năm. Hai bên dãy núi là hai giải đồng bằng, giải trên nối liền với miền bình-nguyên của Nga ở phía nam, giải dưới chạy xuống dựa vào dãy núi xứ Arménie :

Dãy núi Caucase, hình dáng hiểm trở, đường lối khó khăn, cây cối mọc thành những rừng rất dậm, là một bức tường ngăn 2 thế giới dựa vào nhau và không biết nhau Cả miền núi là một cảnh âm u, hoang giã, ít bóng người, ít dấu vết của sự hoạt động kinh tế.

Giải đồng bằng phía bắc Ciscaucasie đi từ bể Azoz đến bể Caspienne, chia làm 2 phần : ở mặt tây là cánh đồng Kouban, cỏ mọc cao, đất tốt, sản xuất ngô, lúa mì, lúa mạch, có kỹ nghệ khai mỏ dầu hỏa, — ở mặt đông, là cánh đồng Terek rộng, khí hậu hanh khô vô cùng (— 30° và + 43°), đất cát và có chất mặn, vì đấy một phần lớn ngày xưa thuộc vào bể Caspienne mà nay đã hết nước. Cả vùng là một giải đồng cỏ cằn cỗi và bỏ hoang chỉ có dân du-mục, trừ ở miền nam nối với sườn núi Caucase, được hưởng nhiều mưa, có sông chảy qua (sông Terek) và đắp phù-sa vào các nơi chũng, cho nên dân cư ở đông đúc, giồng giọt các thứ cây ăn quả. Kỹ nghệ khai mỏ dầu hỏa. Thương mại thịnh vượng nhờ ở địa thế : nơi này là con đường qua lại của các dân tộc Âu Á, người ta gọi là « những cửa Caspiennes ».

Giải đồng bằng phía nam cũng chia làm 2 phần. Ở mặt tây, đồng bằng Colchide do đất phù xa ở núi Caucase lấp nên, khí hậu có tính cách ôn đới, rất nhiều mưa, rừng sâu cây rậm. Nơi này có thể trở nên trù mật bằng sự mở mang canh nông và kỹ nghệ, nhưng dân cư còn lơ thơ lắm, hình như bị đè nén bởi sức mạnh của cảnh vật. Quá vào trong khí hậu hanh khô hơn, cây cối bớt rậm rạp, địa thế hiểm trở vì có đồi núi hầm vực, nhưng đông dân cư hơn nhiều. Giống người ở là giống Géorgiens, theo đạo Thiên chúa lập nghiệp ở đây từ đời thượng cổ, chia làm tiểu bang, có hồi làm bá chủ cả các xứ miền Caucase, nhưng thường bị các nước lân cận đòm dỏ : Thổ và Ba Tư. Hồi đầu thế kỷ thứ 11, một ông Hoàng Géorgien bị uy hiếp cầu cứu vua Nga, vì vậy mà người Nga đưa châu tới miền nam dãy núi Caucase này và lập thành thuộc quốc. Việc khai hóa đang tiến hành : Chè và bông là 2 thứ giồng giọt có kết quả đáng chú ý. Kỹ nghệ làm bông và dệt vải cũng khá quan trọng. Một tỉnh lớn : Tiflis Ngoài ra lại có mỏ than đá và manganèse.

Ở mặt đông là đồng bằng Chirvan, cỏ hoang mọc, không có cây to, dân cư là những bọn du mục, trừ ở dọc các sông Koura, có những đám thuộc giống Ba-tư làm nghề nông và chài lưới. Càng đi tới gần bờ biển Caspienne, cây cỏ càng thấy cằn cỗi dân cư càng lơ thơ, địa thế chập chùng những đồi nhỏ bằng đất và cát.

Cái bãi sa mạc mầu sám, nửa là cát nửa là muối này là một nơi kỹ nghệ hùng cường nhất Caucase : kỹ nghệ dầu hỏa.

Mặt trận Nga

Đã chiếm được Maikop, khu dầu hỏa trong miền Kouban, quân Đức một mặt tràn ra bờ bể Hắc hải để chiếm các hải cảng Novorossiésk, Anape và Touapsé một mặt rẽ ngang sang khu dầu hỏa Guosnyi và bờ bể Caspienne, một mặt tiến thẳng xuống dãy núi Caucase.

Một đạo tiền quân đã tới Grosnyi và đạo quân theo nẻo bể Caspieune chỉ còn cách bờ biển độ chừng 50 cây số. Về phía Hắc-hải, quân Đức đã qua hạ-lưu sông Kouban, chiếm một thị trấn cách hải-cảng Novorossiiok có 30 cây số. Số phận cảng này cùng các cảng Anape và Touapsé chỉ còn đợi ngày kết liễu.

Về phía nam, tiến tới chân núi Caucase, quân Đức đã thay những đội chiến xa bằng những đội binh chuyên môn trèo núi. Vượt muôn nghìn sự

VÕ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P: G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

https://tieulun.hopto.org

hiểm nghèo (băng, tuyết, lửa đạn của những phục binh Nga), những đội quân trèo núi đã leo tới ngọn núi Elbrouz, ngọn cao nhất (5642 thước) trong dãy núi Caucase (21—8) và chiếm nhiều đèo quan trọng, đầu những con đường đưa xuống tới các hải-cảng Poti, Batoum và Tiflis, thị-trấn to nhất ở miền nam Caucase (Transcaucasie). Chỉ nay mai bao nhiêu hải-cảng Nga ở Hắc hải sẽ mất hết và hạm đội Nga sẽ không còn nơi nào trú ẩn. Hiện Nga đã thương-lượng với Thổ để hạm đội Nga có thể vào ẩn trong các hải cảng của Thổ. Thổ nhận nhời song dĩ nhiên sẽ bắt tước bỏ khí giới và không cho thoát qua eo biển Bosphore, theo hiệp ước trung lập đã ký với các Cường-quốc (nói ở trên).

Đồng thời, quân Đức đại tấn công vào Stalingrad, tập trung ở đấy 50 sư đoàn, đánh dồn tới do hai mặt bắc và tây nam, theo chiến lược đánh Moscou hồi năm ngoái. Đường phòng thủ thứ nhất đã bị phá và nhiều đội chiến xa đã tới châu thành trong khi 4000 phi cơ rội bom xuống thành phố (27—8). Thật là một trận khốc liệt và mặc dầu sức kháng chiến của quân đội Nga, thành Stalingrad, thủ đô cả miền nam nước Nga sẽ bị đổ trong một thời gian rất ngắn. Khi đó cả miền nam nước Nga cùng với miền đầu hỏa Caucase sẽ vào tay quân Đức vì sức kháng chiến của quân đội Nga trong dãy núi Caucase hiện kém xa ở các nơi khác.

Để rút bớt lực lượng của quân đội Đức ở miền nam, Nga đại tấn công trong mặt trận trung-ương ở phía tây bắc và tây nam Moscou, tập trung một số không lồ binh đội, chiến xa và phi cơ công-phá ba nơi Rjev, Viazma, Orel, trên một dọc dài 400 cây số. Quân Nga được thắng lợi đôi phần song kết quả không đủ để ảnh hưởng đến mặt trận miền nam.

Tình-thế Nga vô cùng nguy ngập, gây sự lo ngại trực tiếp cho Anh về miền Trung Đông. Vì vậy Anh đã tập trung trong xứ Trak, nhất là ở biên-giới Iran-Thổ một số quân lực đồ sộ (110. 000 tấn binh cụ) và bắt Ba-tư (Perse hay là Iran) phải tuyên chiến với Nga. Một việc đảo chính đang rục rịch sẩy ra ở đây vì chuyện này.

Mặt trận Tây-Âu

Một việc táo bạo vừa sẩy ra ở mặt trận Tây-Âu. Giữa lúc mọi người không ngờ đến, sáng sớm hôm 19-8 quân Anh đổ bộ ở Dieppe một hải-cảng Pháp ở bờ biển Manche. Trong đám sương mù (sương-mù nhân tạo) bỗng hiện ra một đoàn chiến hạm rồi vọt lên bờ những chiến xa chạy trên những xà-lan ghép lại theo sau là pháo binh và bộ binh, với những phi cơ trợ lực ở trên không. Một cuộc giao-tranh kịch liệt giữa quân đổ bộ và quân phòng-giữ hải cảng. Rút cục, quân đổ bộ phải tháo lui sau 10 giờ đó, để lại 117 phi cơ bị hạ 3. 500 người chết, và 2. 095 tù binh (thông cáo của Đức). Dân Pháp ở tỉnh Dieppe bị thiệt hại ít nhiều, 25 người chết, 85 người bị thương. Các nhà chức trách Đức đã bồi thường cho họ một số tiền à 10 triệu quan và, tán thưởng thai độ bình tĩnh của dân sự vùng đó tổng thống Hitler đã ra lệnh thả 800 tù binh Pháp quân ở Dieppe và các nơi lân-cận.

Cuộc đổ bộ này kha quan trọng vì Anh đã dùng tới một sư đoàn quân đội (phần nhiều là dân Canadiens, có một số dân Mỹ) Có người bảo đó là kết quả cuộc hội nghị Moscou: một cử chỉ của Anh để tỏ lòng tốt với Staline. Song một cuộc đổ bộ dùng tới một lực lượng như thế tất đã phải sửa soạn từ lâu, nghĩa là trước hội-nghị Moscou. Cho nên có người bảo cuộc đổ bộ này là một cuộc thí-nghiệm để dò xét sức phòng thủ của quân địch và sẽ bảo trước những cuộc đổ bộ chính thức. Nhưng xét ra nếu chỉ là một việc thí nghiệm mà phải dùng nhiều binh lực đến thế thì cũng hơi lạ. Vì vậy nhiều người coi đó là một cuộc đổ bộ chính thức mục đích để chiếm một căn cứ dụng binh. Thực thế thì cuộc đổ bộ đã hoàn toàn thất bại (cả báo Mỹ cũng công nhận thế) vì đã bị phá tan ngay bởi những đội quân phòng thủ hải cảng: người ta chưa phải dùng đến quân trừ bị và quân tiếp tế. Và cả ý tưởng đổ bộ trên bờ biển Manche cùng lập một mặt trận thứ hai ở tây Âu cũng chỉ là một ảo mộng!

Gần đây (28-8) có tin có những trận thủy chiến ở biển Manche, nhưng chưa được chắc chắn lắm.

Tầu ngầm Đức rất hoạt động ở Đại-tây-dương và luôn luôn đánh đắm những tầu vận tải của Đồng-minh. Nhưng kết quả của sự hoạt-động đó cũng có điều bất lợi vì tầu ngầm Đức đã đánh đắm nhầm nhiều tầu của xứ Brésil (ở nam Mỹ-châu) nên nước này vừa khai chiến với Đức. Quân lực xứ Brésil không có gì và xứ này cũng chưa có ý tham dự trực tiếp vào cuộc chinh-chiến bên cạnh Mỹ. Nhưng xứ Brésil sẽ giúp nguyên liệu Đồng-minh và cho Mỹ dùng quân cảng để có thể đưa quân sang Phi châu. Vả lại việc Brésil tuyên chiến sẽ có ảnh hưởng đến thái-độ của hai nước Chili và Argentine đối với Đức.

Ở Đông-dương

Trong nửa tháng vừa qua ở Bắc-kỳ có báo động năm, sáu lần vì có phi cơ Tàu bay qua địa phận. Lần cuối cùng (chiều hôm thứ sáu 28-8) có ném bom ở miền thượng-du. Song cả mấy lần đều không có việc gì đáng kể sẩy ra.

Chính-phủ vừa lập ở Trường Trung-học bảo-hộ một lớp 6 cổ-điển Á-đông (classe de sixième extrême-orientale). Đó là một việc mới mẻ đáng chú ý. Báo Thanh-nghị sẽ nói đến trong số sau.

Phòng Thương mại Hanoi cũng vừa mới mở một trường thương-mại (école de commerce) học trong ba năm cho những học trò có bằng sơ học Pháp Việt và tuổi từ 15 đến 20. Có kỳ thi vào học; chương-trình thi theo chương-trình năm thứ 3 ban cao-đẳng tiểu học.

V. H.

https://tieulun.hopto.org

=đọc= sách mới

Vũ ngọc Phan- *Tiêu nhiên Mị cơ* — Mới — Nguyễn Lân — *Nguyễn trường Tộ* — Mai Lĩnh- Mạnh phu Tư - *Nhạt tình.*

. . .

« Thưa các Ngài, có một chuyện tình có yêu có chết, các ngài có thích nghe chang ? ».

Đó là câu mở đầu một thiên tình sử hay vào bực nhất ở châu Âu, truyền lại từ thế kỷ thứ 12, giữa thời Trung-Cổ ở nước Pháp. Đó là chuyện một bà hoàng-hậu đẹp tuyệt trần, Mị - Cơ, có bộ tóc vàng ong-ả và một chàng tráng sĩ, Tiêu Nhiên có cái ten và một thủa nhỏ buồn rời rợi, nhưng rất là dung mãnh. Hai người yêu nhau vì uống nhầm phai « rượu tình ». Nhưng cuộc tình duyên ra ngoài vòng lễ giáo vì Mị - Cơ là một bà hoàng hậu mà Tiêu Nhiên chỉ là một kẻ bày tôi. Vì thế cặp nhân tình phải đưa nhau chốn vào rừng tham, ở với nhau trong ba năm giời và cho đến chi hơi men đã nhạt. Hai người lúc này cùng hối hận, tự ý chia rẽ, ai giở về sống cuộc đời của người nấy. Nhưng rồi Tiêu nhiên bị một mũi giáo có tẩm thuốc độc, chàng cho người đi gọi Mị Cơ lên để chữa cho mình. Chiếc thuyền mang hoàng-hậu giương một cánh buồm trắng, dấu hiệu của hi vọng. Nhưng một nàng Mị Cơ khác. Mị-Cơ « có bàn tay trang nõn » ghen với nàng Mị-Cơ tóc vàng bảo với Tiêu-Nhiên rằng thuyền căng một tấm buồm đen. Chàng thất vọng chết còn nàng cũng chết theo.

Sơ dĩ câu chuyện Tristan et iseult được phương Tây ưa chuộng là vì hai nhân vật trong chuyện biểu hiệu cho một thứ ái tình định mệnh đốt cháy lòng ta, mà không để cho ta chống lại. Tiêu Nhiên và Mị-Cơ thuận định yêu nhau mà phải yêu nhau yêu mà không cưỡng được. Hớp « rượu tình » trong chuyện chính là một cớ để cho lỗi cho cặp nhân tình vì họ có thể nói rằng : « Các ngài thử xem, chúng tôi có tội gì đâu, ái tình mạnh quá chúng tôi không tài nào cưỡng nổi ».

Nào ai có chấp những kẻ say ! Trong lúc men rượu đương nồng thì luân lý, lương tâm, xã hội không còn có nữa.

Ái tình của Tiêu Nhiên, Mị Cơ là một thứ ái - nh lý tưởng, lấy sự trong sạch làm căn bản (xem loạn hai người ngủ ở trong rừng, giữa hai người o một thanh gươm trần nhưng cũng lại là một thứ ái tình thầm đ,m vì kết cục cả hai cùng chết Yêu mà đau khổ, đau khổ cho đến cùng cực «nghĩa là chết, đó la một tâm lý ưa chnọng của ngươi phương Tây, đó là tâm lý của phái lãng mạn. Đối với họ, thì đau đớn vì yêu chính là một cach để hiểu biết cõi đời và để tự biết mình. Đúng như nhời, một nhà văn Pháp đã nói : « Sự sung sướng của một đôi trai gái làm ta cảm động là vì ta biết rằng tai nạn đương dình họ ».

Đọc truyện Tiêu Nhiên, Mị-Cơ ta lại còn có thể so sánh cái quan niệm ái tình của phương Đông và của các nước châu Âu. Ái tình phương Đông là ái tình của một đôi trai gái cùng chung một hi vọng : lấy nhau. Ái tình trong chuyện này trái lại là một thứ ái tình nẩy nở ngoài « hôn nhân » mà chỉ nẩy nở được ngoai « hôn nhân » chong chỉ là một trở lực trong nhiều trở lực khác có thể làm đau khổ một đôi nhân tình. Vì thế đã có nhà phê bình gọi chuyện Tiêu-Nhiên Mị-Cơ là một « bài ca tụng sự ngoại tình ». Công-thức đó kể cũng hơi quá đang nhưng đối với chúng ta thì cớ lẽ có ý nghĩa rất nhiều.

Tiêu-Nhiên Mị-Cơ là một quyển sách đáng đọc chỉ tiếc rằng ông Vũ Ngọc Phan chỉ « phóng tác » chứ không dịch nguyên văn nên có nhiều chỗ mất cái hương vị của một một áng văn chương cổ.

Hoàng Cao Khải trong bài tựa một quyển sách đã sáng suốt nhận ra rằng chung ta đã bỏ lỡ mất mấy dịp may mắn trong lịch sử. Dịp thứ nhất là lúc Gia-Long mới lên ngôi, ta có thể theo người phương Tây mà tiến bộ lên được. Dịp thứ hai là vào đời Tự-Đức lúc trươc ta bắt đầu có những sự xung đột vơi nước Pháp. Quyển « *nguyễn trường tộ* » của ông Từ Ngọc Nguyễn Lân chính là để danh dấu cai dịp may mắn thứ hai đó. Nguyễn-Trường Tộ là một bực thiên tài rất hiếm trong lịch sử một nước, vì phải có một bộ óc khác thường mới có thể đi ngược lại những xu hướng của một thời đại. Đọc những bài điều-trần của ông do ông Từ ngọc thuật lại, ta phải lấy làm tiếc rằng một người như thế nếu chỉ có một chút thế lực trong triều thì sẽ thay đổi cục diện biết bao nhiêu. Ong theo đạo Gia-Tô, đó là một cái may cho ông vi ông được đi ra nước ngoài để mở rộng kiến thức, nhưng đó cũng là một cái hại vì ông bị nghi kỵ và không có một chút thế lực gì. Những điều ông xin cải - cách ngày nay người ta đương thuc dươi mà mới chỉ thực-hành được một phần Xem đó đu biết bộ óc của Nguyễn trường Tộ mãnh liệt đến chừng nào.

Nguyên trường Tộ là một quyển sách mà dân Việt Nam ai ai cũng nên đọc và phải đọc không phải là để nhớ tiếc một dịp đã bỏ qua mà để suy nghĩ và để không bỏ lỡ một dịp khác nữa.

Nhạt tình là một quyển tiểu thuyết tả lại nông nỗi của một người đàn bà bị cướp mất chồng. Đó là một đầu đề đặc á-đông vì chỉ có ở nước Nam

https://tieulun.hopto.org

Cuộc cải cách giáo-dục ở Pháp

(*Tiếp theo trang 11*)

Địa-dư địa-phương túc là địa-dư một vài tổng xung quanh nơi ở. Những cuộc đi thăm đây đó trong vùng quê quán từ nay không phải chỉ phụ vào bài học mà thành cái thực-chất của khoa này. Phải chú trọng về cuộc sinh-hoạt và phong-tục nơi sinh quán cùng với địa thế núi sông đường lối dân cư.

4°) Bực thứ nhì trong nền tiểu-học từ nay có lớp cao-đẳng (2 năm) tính cách rõ rệt là bực học đầu trong khoa dạy nghề, bực học hướng dẫn về chức nghiệp.

— Những môn khoa-học ở 2 lớp này gọi là: khoa-học ứng dụng và đi đôi với những giờ tập công việc thực hành.

Các môn khoa-học đó tách hẳn làm ba loại, để dạy trong ba loại trường tiểu-học khác nhau: trường con giai ở tỉnh thành, trường con giai ở nhà quê và trường con gái.

Cho các con giai ở tỉnh, những môn khoa-học thực hành là khoa vỡ lòng trong các nghề thủ công. Chương trình đại khái có: những dụng cụ của thợ — động lực, động cơ, máy công cụ, ô-tô, tầu thủy, phi cơ; việc xếp đặt trong nhà: đốt sưởi, nước, điện, mắc đèn, điện tin, điện thoại; việc làm vườn và nuôi gia súc.. Công việc tập thực hành thường dạy ở xưởng thợ. Học-trò chia thành từng bọn trong những công việc phải làm chung.

— Cho con giai ở nhà quê, chương-trình dự bị học trò về khoa giồng giọt và các công việc đồng áng: việc xếp đặt một nông-trang; đất cát phân bón, mùa màng; cầy bừa; cây cối, hoa màu; chăn nuôi...; mây sương, mưa đá, phong vũ biểu; các hội nông nghiệp...

Bài học phải dựa vào những điều nhận xét. Nhà trường có một khu đồng và một khu vườn thí-nghiệm, giồng nhiều thứ cây, để học-trò nhận xét cùng tập giồng cây và nuôi súc vật. Thêm vào đây những buổi đi thăm các trang ấp và các kỹ nghệ công nghiệp.

Ở trường con gai, học trò bắt đầu học khoa làm vợ và làm mẹ: bếp nước, vá may, trông nom con cái vườn dược, chăn nuôi gia súc, xếp đặt cửa nhà, vệ-sinh thường thức v. v... Có những buổi riêng để học-trò tập công việc nội trợ. Ở các tỉnh to, khoa nuôi trẻ còn dạy trong những buổi đi thăm các nhà thương chữa con nít.

— Các môn học khác, ngoài việc rèn tâm-hồn và tri-thức con trẻ, (ở bực nhì nền tiểu học), còn giúp vào việc hướng dẫn chung trong chức-nghiệp phụ họa với những môn khoa-học thực hành. Ở trên ta đã nói đến khoa địa-dư chu trong một phần đến cuộc hoạt-động kinh-tế cùng quê quán học trò. Trong chương-trình khoa lịch-sử, ta cũng thấy những điều như: sự thay đổi trong nghề nghiệp và cách giao thông, những bước tiến bộ trong kỹ-nghệ, nông tang, thương mại... là những điều có liên-lạc đến khoa dạy nghề. Cả đến khoa toán-pháp cũng có tính cách thực hành như trên đã nói, theo chiều ấy.

Biểu-dương trách nhiệm của dân thợ và dân quê đó là ý định của T. C. Pétain trong việc cải cách nền tiểu-học «Từ nay sẽ thay vào cái ước vọng một học vấn uyên bác của hạng người trừu tượng quan niệm theo trí nghĩ của bọn tỉnh thành và dành riêng cho họ, một hoài bão rộng rãi hơn, hợp nhân-đạo hơn của người lập trên một mảnh đất và một nghề nhất định.»

Ngày trước, người ta cũng đã có lập một lớp dạy theo một chương-trình có tính cách thực dụng và tập nghề có những môn «khoa học ứng dụng» và những công việc thực hành chia làm ba loại như trên. Song lớp đó chỉ là một lớp phụ thêm vào nền tiểu học (1) cho những thiếu-niên phải thôi học vào lúc 14 tuổi chứ không phải cho những trẻ sau bực tiểu-học sẽ theo đuổi sự học lên các bực trung-học cao-đẳng tiểu-học hay chuyên nghiệp. Chương trình này bây giờ sáp nhập vào nền tiểu-học áp dụng trong hai năm lớp nhất và cho tất cả thiếu-niên vì từ nay học-trò phải học đủ cả hai bực ở trường tiểu-học rồi mới thi lấy bằng tiểu học.

VU ĐÌNH HÒE

(*Còn nữa*)

---

(1) Gọi là: classe de fin d'études primaires hay là: classe de scolarité prolongée.

---

hay nước Tầu mới có những thiếu phụ cam chịu để cho một thiếu phụ khác đến tranh cái ngôi nội tướng của mình một cách công nhiên mà không phải đối bằng một cách chi cả. Văn của ông Mạnh Phú Tư viết rất giản dị nên thiếu phần nghệ thuật. Ông có thể bỏ bớt nhiều tiểu-tiết, nhiều dông nỗi không có cần mấy cho câu chuyện Văn ông sẽ vì thế mà gọn ghẽ, mạnh mẽ hơn lên.

L. H. V.

https://tieulun.hopto.org

BÁO THANH-NGHỊ

— **Thông hiểu sự vật và tư tưởng ;**
— **Thu nhặt tài liệu để góp vào việc giải quyết những vấn đề quan hệ đến đời sống của dân tộc Việt-Nam.**
— **Phổ thông mà không làm giảm giá.**

TRONG SỐ 16 SEPTEMBRE 1942

Có những bài:

— Quyền hành-chính và quyền lập-pháp.	PHAN ANH
— Việc sửa đổi nền trung học ở Pháp	VŨ ĐÌNH HÒE
— Nhân một đạo nghị định hạn chế rượu : nạn rượu ở các nước và ở ta.	BÀ PHAN ANH
— Hóa học thời cận đại. (bài nối)	NGUỴ NHƯ KONTUM
— Dấu chân cũ (tuỳ hứng)	ĐINH GIA TRINH
— Khách trú và vấn đề gạo ở Nam-Kỳ	TẠ NHƯ KHUÊ
— Việc lập một lớp cổ-điển Á-đông ở Đông-Dương	V. H.
— Những phương pháp của chính phủ để chống lại sự tăng giá. .	ĐỖ ĐỨC DỤC
— Lịch sử cuộc xung đột giữa phái Khổng học và Đạo học (Đạo Lão tử)	ĐẶNG THÁI MAI
— Nhát dao	LÊ HUY VÂN
— Việc quốc tế, Đọc sách mới, v. v.	

NHÂN TUẦN LỄ TRIỂN LÃM BÁO SÁCH Quốc ngữ vừa rồi tại Saigon

Kết quả cuộc đầu phiếu còn 10 CUỐN SÁCH giá trị nhất trong văn chương Việt-Nam

Ngày 11 Août mới đây, hội đồng xét phiếu họp tại nhà Nguyễn khánh Đàm số 12 đường Sabourain Saigon, có cụ Hồ văn Trung chứng kiến

10 cuốn sách theo bảng kê sau đây đã được độc giả quốc-dân bầu là có giá-trị nhất trong văn-chương Việt-nam :

1 —	NHO GIÁO (Trần trọng Kim)	593 phiếu
2 —	KIM VÂN KIỀU (Nguyễn Du)	422 —
3 —	VIỆT NAM SỬ LƯỢC (Trần trọng Kim)	422 —
4 —	QUẢ DƯA ĐỎ (Nguyễn trọng Thuật)	410 —
5 —	VIỆT NAM VĂN HÓA SỬ CƯƠNG (Đào duy Anh)	390 —
6 —	KHẢO VỀ TIỂU THUYẾT (Phạm Quỳnh)	334 —
7 —	THI NHÂN VIỆT NAM (H. Thanh và H. Chân)	377
8 —	TỤC NGỮ PHONG DAO (Nguyễn văn Ngọc)	282 —
9 —	CAY ĐẮNG MÙI ĐỜI (Hồ biểu Chanh)	273 —
10	TIỂU SƠN TRÁNG SĨ (Khái Hưng)	234 —

Directeur gerant : VŨ ĐÌNH HÒE Fondateur : Doãn Kế Thiện Imp. TRUNG-BAC — Hanoi

https://tieulun.hopto.org